



KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC – ĐẬU THỊ HUỆ
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập

TOÁN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC – ĐẬU THỊ HUẾ
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập

TOÁN

4

Chân trời sáng tạo Tập một

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả
có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THANH HÀ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ –
ĐẶNG THỊ THÚY

Thiết kế sách: NGỌC HÀ – ĐAN THANH

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Minh hoạ: NGỌC HÀ – ĐAN THANH

Sửa bản in: TRẦN THANH HÀ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ –
ĐẶNG THỊ THÚY

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 4 – TẬP MỘT (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2BH4T001M23

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/9-2157/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35211-8

Tập hai: 978-604-0-35212-5

Lời nói đầu

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến.

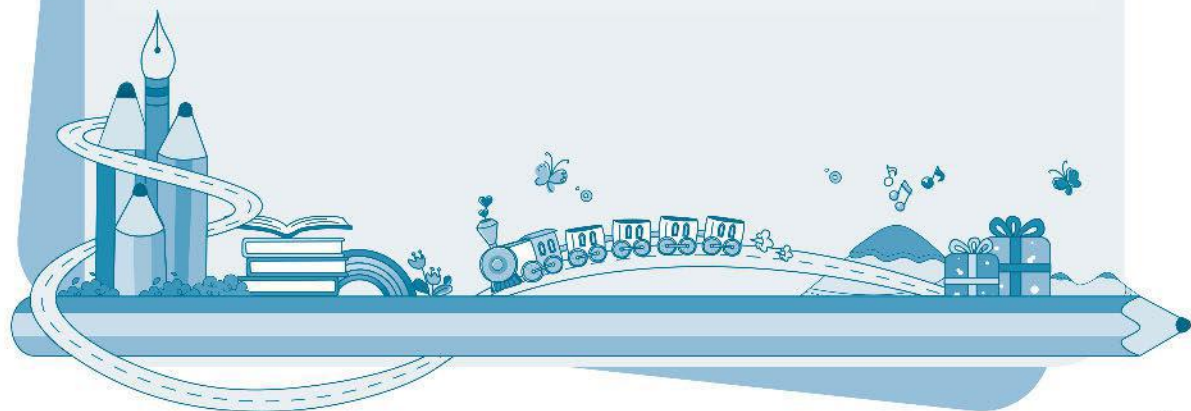
Để củng cố và rèn luyện các kiến thức, kỹ năng; phát triển năng lực toán học cũng như các phẩm chất cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhóm tác giả **Chân trời sáng tạo** trân trọng giới thiệu bộ sách **VỞ BÀI TẬP TOÁN** dùng cho cấp Tiểu học.

Bộ sách gồm 10 tập, tương ứng với mỗi lớp 2 tập. Trong mỗi tập sách, các nội dung được giới thiệu theo trình tự sách giáo khoa Toán Tiểu học với hệ thống bài tập tự luận, trắc nghiệm đa dạng và phong phú.

Bộ sách này có thể coi như nguồn tư liệu trong quá trình dạy học.

Học sinh có thể dùng **VỞ BÀI TẬP TOÁN** ngay trong buổi học thứ nhất, đặc biệt hữu ích trong các giờ tự học.

Với những tình huống và hình vẽ vui nhộn, gần gũi với cuộc sống, bộ sách tạo điều kiện để học sinh tương tác với sách qua nhiều hình thức (viết, vẽ, tô màu, ...), chúng tôi hi vọng bộ sách này thực sự mang đến niềm vui cho các em khi học toán.



MỤC LỤC

1. Ôn tập và bổ sung	6
Bài 1. Ôn tập các số đến 100 000	7
Bài 2. Ôn tập phép cộng, phép trừ	11
Bài 3. Ôn tập phép nhân, phép chia	15
Bài 4. Số chẵn, số lẻ	18
Bài 5. Em làm được những gì?	21
Bài 6. Bài toán liên quan đến rút về đơn vị	24
Bài 7. Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (tiếp theo)	27
Bài 8. Bài toán giải bằng ba bước tính	30
Bài 9. Ôn tập biểu thức số	33
Bài 10. Biểu thức có chứa chữ	34
Bài 11. Biểu thức có chứa chữ (tiếp theo)	37
Bài 12. Biểu thức có chứa chữ (tiếp theo).....	39
Bài 13. Tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng	41
Bài 14. Tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân	44
Bài 15. Em làm được những gì?	48
Bài 16. Dãy số liệu	51
Bài 17. Biểu đồ cột	53
Bài 18. Số lần lặp lại của một sự kiện	58
Bài 19. Tìm số trung bình cộng	60
Bài 20. Đề-xi-mét vuông	63
Bài 21. Mét vuông	65
Bài 22. Em làm được những gì?	67
Bài 23. Thực hành và trải nghiệm	70

2. Số tự nhiên	72
Bài 24. Các số có sáu chữ số – Hàng và lớp	73
Bài 25. Triệu – Lớp triệu	76
Bài 26. Đọc, viết các số tự nhiên trong hệ thập phân	78
Bài 27. So sánh và xếp thứ tự các số tự nhiên	80
Bài 28. Dãy số tự nhiên	82
Bài 29. Em làm được những gì?	84
Bài 30. Đo góc – Góc nhọn, góc tù, góc bẹt	86
Bài 31. Hai đường thẳng vuông góc	89
Bài 32. Hai đường thẳng song song	91
Bài 33. Em làm được những gì?	93
Bài 34. Giấy	95
Bài 35. Thế kỉ	97
Bài 36. Yến, tạ, tấn	99
Bài 37. Em làm được những gì?	101
Bài 38. Ôn tập học kì 1	103
Bài 39. Thực hành và trải nghiệm	111

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG



1 Thực hiện theo mẫu.

Mẫu: Số gồm 3 chục nghìn, 7 nghìn, 6 trăm, 5 chục và 9 đơn vị.

Viết số: 37 659.

Đọc số: Ba mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi chín.

Viết số thành tổng: $37\,659 = 30\,000 + 7\,000 + 600 + 50 + 9$.

a) Số gồm 6 chục nghìn, 8 nghìn, 1 trăm, 4 chục và 5 đơn vị.

Viết số:

Đọc số:

Viết số thành tổng:

b) Số gồm 1 chục nghìn, 2 nghìn và 2 trăm.

Viết số:

Đọc số:

Viết số thành tổng:

c) Số gồm 4 nghìn và 1 đơn vị.

Viết số:

Đọc số:

Viết số thành tổng:

2 Số?

a) 4760; 4770; 4780;;;; 4820.

b) 6600; 6700; 6800;;;; 7200.

c) 50 000; 60 000; 70 000;;;

3 Nối tổng với số thích hợp.

A $30\,000 + 6\,000 + 200 + 40$

M $36\,024$

B $60\,000 + 3\,000 + 20 + 4$

N $36\,240$

C $60\,000 + 3\,000 + 200 + 40$

P $63\,240$

D $30\,000 + 6\,000 + 20 + 4$

Q $63\,024$

4

a) $>, <, =$

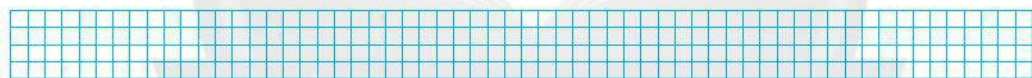
76 409

76 431

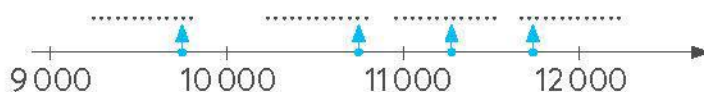
giống nhau khác nhau

76 409 76 431

b) Sắp xếp các số 10 748; 11 750; 9 747; 11 251 theo thứ tự từ bé đến lớn.



c) Viết bốn số ở câu b) vào chỗ chấm thích hợp.



5 Làm tròn mỗi số đến hàng được tô màu rồi nói (theo mẫu).

Mẫu: Làm tròn số 81 415 đến hàng chục thì được số 81 420.

Số đã cho	356	28 473	2 021	76 892	7 428	16 534
Số sau khi làm tròn						

6 Quan sát hình ảnh trong SGK rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) Số tiền có tất cả là: đồng.
b) Với số tiền có ở câu a), có thể mua được hộp bút chì màu có giá là đồng.



Số?

- a) 34 512; 34 522; 34 532;; 34 552.
b) 67 825; 67 925;; 68 125;

7 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

- a) Số hai mươi bốn nghìn năm trăm linh ba viết là 24503.
b) Số 81160 đọc là tám một một sáu không.
c) Số gồm 5 chục nghìn và 2 trăm viết là 5200.
d) $77\,108 = 70\,000 + 7\,000 + 100 + 8$.

☐
☐
☐
☐

8 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Số liền sau của số 99 999 là:

A. 100 000

B. 99 998

C. 10 000

D. 9 998

b) Số 40 050 là:

A. số tròn chục nghìn

B. số tròn nghìn

C. số tròn trăm

D. số tròn chục

c) Làm tròn số 84 572 đến hàng nghìn thì được số:

A. 80 000

B. 85 000

C. 84 000

D. 84 600

d) Số bé nhất có bốn chữ số là:

A. 1000

B. 1111

C. 1234

D. 10 000

9 Tìm hiểu bảng sau rồi viết vào chỗ chấm.

Quãng đường	Độ dài khoảng
Hà Nội – Cột cờ Lũng Cú	439 km
Hà Nội – Đất Mũi	2107 km
Hà Nội – Mũi Đồi	1186 km
Hà Nội – A Pa Chải	681 km

a) Viết tên:

– Quãng đường dài nhất:

– Quãng đường ngắn nhất:

b) Sắp xếp các số đo độ dài trên theo thứ tự từ lớn đến bé.

..... km, km, km, km.

c) Làm tròn các số đo trên đến hàng trăm.

– Quãng đường từ Hà Nội đến cột cờ Lũng Cú dài khoảng km.

– Quãng đường từ Hà Nội đến Đất Mũi dài khoảng km.

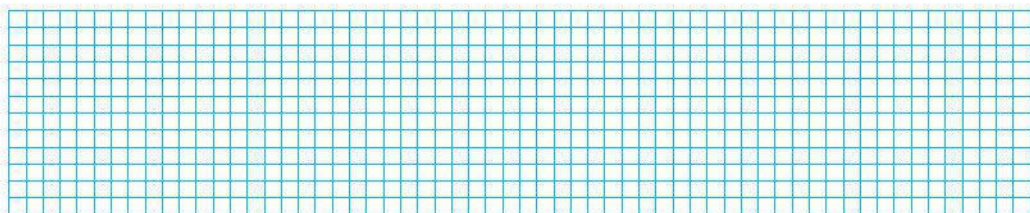
– Quãng đường từ Hà Nội đến Mũi Đồi dài khoảng km.

– Quãng đường từ Hà Nội đến A Pa Chải dài khoảng km.

1 Đặt tính rồi tính.

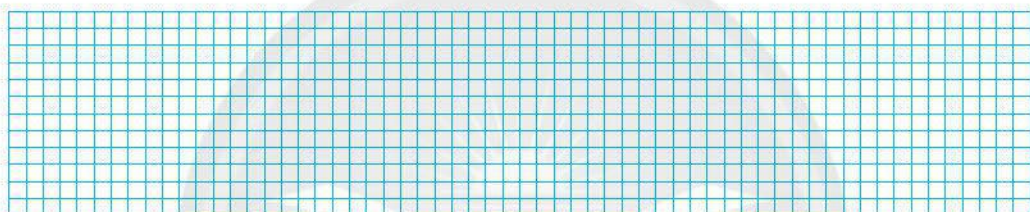
a) $23\,607 + 14\,685$

b) $845 + 76\,928$



c) $59\,194 - 36\,052$

d) $48\,163 - 2\,749$



2 Tính nhẩm.

a) $72 + 20 = \dots\dots\dots$

$350 + 30 = \dots\dots\dots$

$68 - 40 = \dots\dots\dots$

$970 - 70 = \dots\dots\dots$

b) $411 + 300 = \dots\dots\dots$

$954 - 400 = \dots\dots\dots$

$625 + 200 = \dots\dots\dots$

$367 - 300 = \dots\dots\dots$

c) $32 + 7 + 8 = \dots\dots\dots$

$1 + 16 + 9 = \dots\dots\dots$

$54 + 7 + 3 = \dots\dots\dots$

$96 + 40 + 4 = \dots\dots\dots$

3 **>, <, =**

a) $4\,735 + 15$ $4\,735 + 10$

b) $524 - 10$ $525 - 10$

c) $4\,735 - 15$ $4\,735 - 10$

d) $7\,700 + 2\,000$ $6\,700 + 3\,000$

4 Số?

a) $371 + \dots = 528$

b) $\dots + 714 = 6250$

c) $\dots - 281 = 64$

d) $925 - \dots = 135$

5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Bốn túi đường có khối lượng lần lượt là:

1 kg; 700 g; 1 kg 500 g; 1 kg 250 g.

a) Túi nặng nhất và túi nhẹ nhất có khối lượng lần lượt là:

A. 1 kg 500 g và 700 g

B. 1 kg 500 g và 1 kg

C. 1 kg và 700 g

D. 700 g và 1 kg 250 g

b) Túi nặng nhất hơn túi nhẹ nhất:

A. 300 g

B. 550 g

C. 800 g

D. 1000 g

c) Tổng khối lượng cả bốn túi là:

A. 3 kg

B. 3 kg 700 g

C. 3 kg 750 g

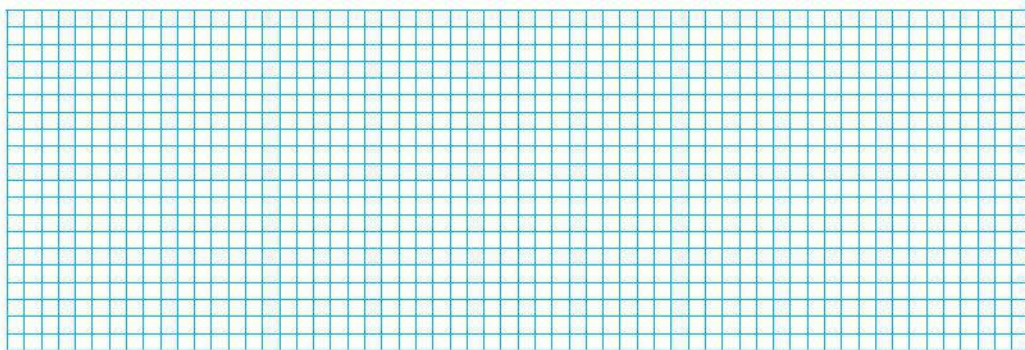
D. 4 kg 450 g

6 Con hà mã cân nặng 2500 kg.

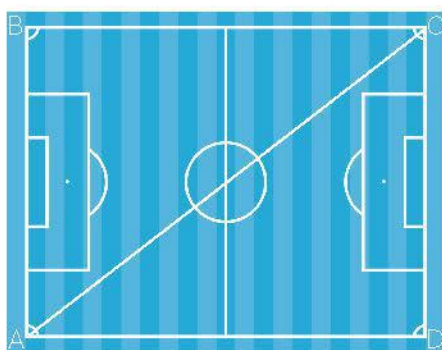
Con hươu cao cổ nhẹ hơn con hà mã 1100 kg. Con tê giác nặng hơn con hươu cao cổ 1800 kg. Hỏi con tê giác cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



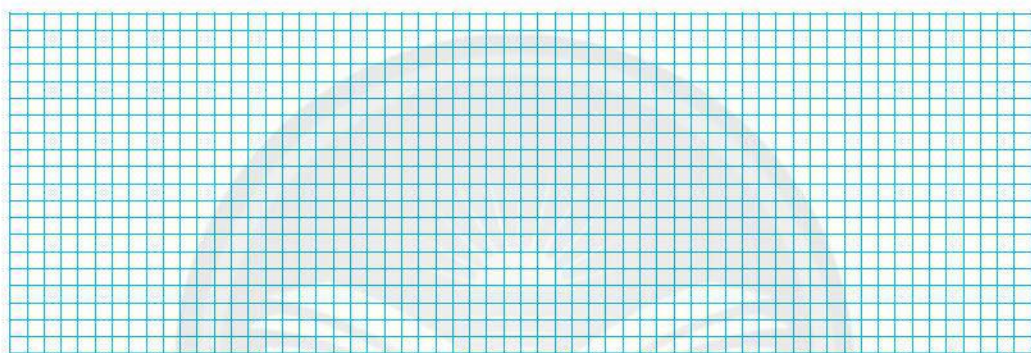
Bài giải



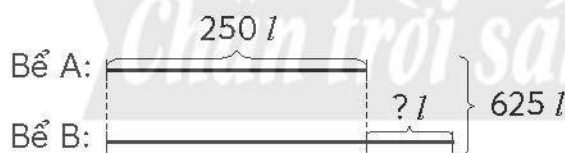
- 7 Một sân bóng đá hình chữ nhật có chiều rộng 75 m, chiều dài 100 m. An và Tú cùng xuất phát từ A để đến C. Đường đi của An dài bằng nửa chu vi sân bóng đá. Tú đi thẳng từ A đến C nên đường đi ngắn hơn đường đi của An là 50 m. Hỏi đường đi của Tú dài bao nhiêu mét?



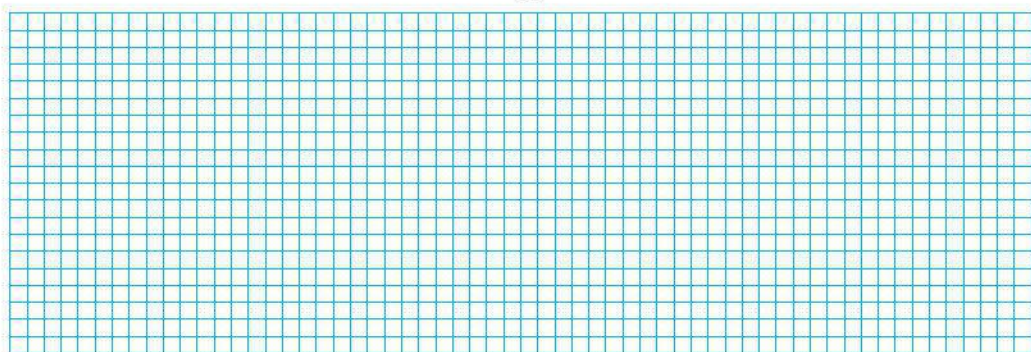
Bài giải



- 8 Giải bài toán theo tóm tắt sau.



Bài giải





Tập tính tiền khi mua bán.

Em có 100 000 đồng, em định mua hai hoặc ba món hàng trong các mặt hàng dưới đây.

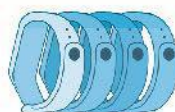
a) Khoanh vào món hàng em dự định mua và làm tròn giá tiền đến hàng chục nghìn (với các số có năm chữ số) hoặc hàng nghìn (với các số có bốn chữ số) rồi điền vào chỗ chấm.



54 500 đồng/quả



31 500 đồng/cái



7 500 đồng/cái vòng tay



61 000 đồng/quả



49 000 đồng/bộ



59 000 đồng/cái



27 500 đồng/cái vợt
3 500 đồng/quả bóng



16 500 đồng/đôi



6 500 đồng/quả

b) Tính nhẩm tổng số tiền các món hàng em chọn theo số đã làm tròn rồi điền đủ hoặc không đủ vào chỗ chấm.

Với 100 000 đồng, em tiền để mua các món hàng em đã chọn.



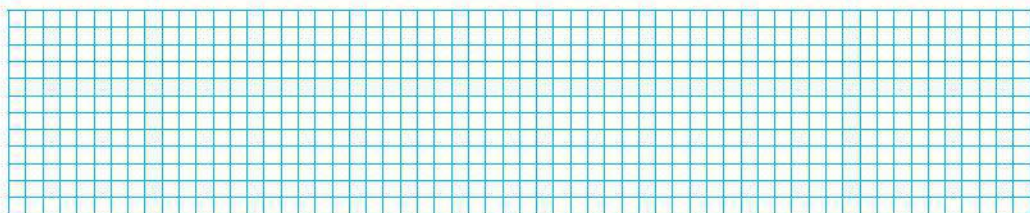
Quan sát các hình trong SGK rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Hình thứ bảy có hình tam giác màu xanh.

1 Đặt tính rồi tính

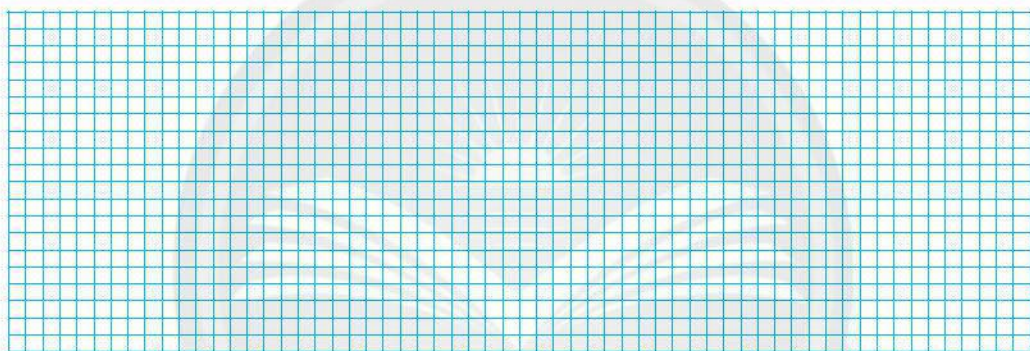
a) 31928×3

b) 7150×6



c) $21896 : 7$

d) $8254 : 4$



2 Tính nhẩm.

a) $20 \times 4 = \dots\dots\dots$

$800 \times 3 = \dots\dots\dots$

$70 \times 2 = \dots\dots\dots$

$6\,000 \times 9 = \dots\dots\dots$

b) $60 : 3 = \dots\dots\dots$

$800 : 8 = \dots\dots\dots$

$150 : 5 = \dots\dots\dots$

$6\,300 : 7 = \dots\dots\dots$

3

>, <, =

a) 120×3 120×4

b) $18 : (2 \times 3)$ $18 : 2 : 3$

c) $120 : 3$ $120 : 4$

d) 14×8 7×16

4 Số?

a) $8 \times \dots = 240$

b) $\dots \times 9 = 540$

c) $\dots : 6 = 20$

d) $45 : \dots = 9$

5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Một số khi nhân với 1 thì có kết quả là:

A. chính số đó

B. 1

C. 0

D. số liền sau của số đã cho

b) Bao gạo thứ nhất cân nặng 25 kg. Bao gạo thứ hai cân nặng gấp 2 lần bao gạo thứ nhất. Bao gạo thứ hai cân nặng:

A. 23 kg

B. 27 kg

C. 40 kg

D. 50 kg

c) Bình thứ nhất chứa 12 l nước, bình thứ hai chứa 3 l nước. Lượng nước ở bình thứ nhất gấp mấy lần lượng nước ở bình thứ hai?

A. 4 lần

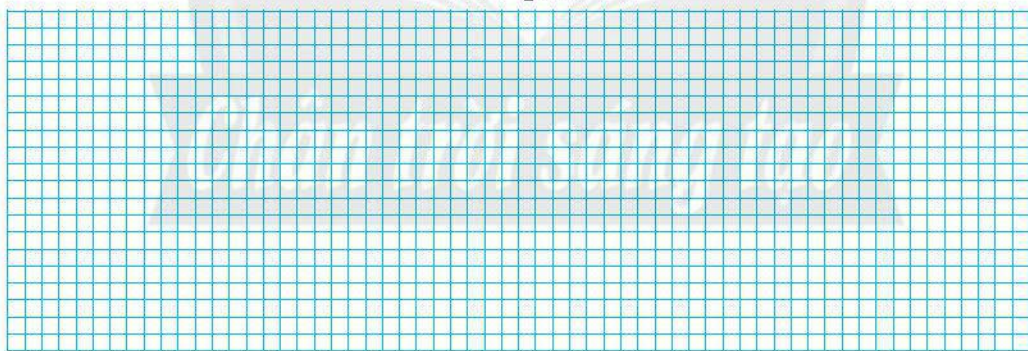
B. 9 lần

C. 15 lần

D. 36 lần

6 Lớp em có 3 thùng sữa tươi, mỗi thùng có 48 hộp. Chúng em đã uống hết 35 hộp. Hỏi lớp em còn lại bao nhiêu hộp sữa?

Bài giải



7 Quan sát biểu đồ dưới đây rồi điền vào chỗ chấm.

Số dưa lưới thu hoạch ở vườn nhà bạn Liên

Thứ Sáu	     	 quả
Thứ Bảy	       	 quả
Chủ nhật	      	 quả

Mỗi  có 6 quả.

a) Trong ba ngày, ngày gia đình Liên thu hoạch được nhiều dưa lưới nhất là

b) Trong cả ba ngày, gia đình Liên thu hoạch được quả dưa lưới.

8 Số?

Hiện nay nhiều hộ nông dân và trang trại đã áp dụng kĩ thuật mới trong trồng trọt, nâng cao năng suất và tạo ra các sản phẩm an toàn.

Trồng dưa lưới trong nhà màng (nhà được bao phủ bởi lớp ni-lông trong) cho năng suất cao gấp đôi (gấp 2 lần) so với lối canh tác bình thường ngoài đồng ruộng.

Với cùng diện tích canh tác, nếu trồng dưa lưới theo cách bình thường thu hoạch được 2 500 kg thì trồng trong nhà màng thu hoạch được kg.



Số?

Hiện nay cây dưa lưới đã được trồng phổ biến ở nước ta. Dưa lưới là loại trái cây ngon và có lợi cho sức khỏe.

Một gia đình, nếu mỗi ngày thu hoạch được 6 thùng dưa lưới, mỗi thùng cân nặng 15 kg thì trong 1 tuần, gia đình đó thu hoạch được kg dưa lưới.



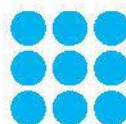
Quan sát các hình sau rồi điền vào chỗ chấm.



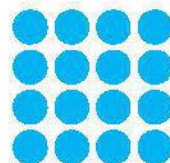
Hình thứ nhất



Hình thứ hai



Hình thứ ba



Hình thứ tư

Hình thứ sáu có hình tròn.

Số?

Các số có chữ số tận cùng là là số *chẵn*.

Các số có chữ số tận cùng là là số *lẻ*.

Các số chẵn: 0;;;;;; 12;

Các số lẻ: 1;;;;;; 13;

1 Xác định số chẵn, số lẻ rồi gạch dưới chữ số tận cùng.

154; 26; 447; 1358; 69; 500; 86 053

Số chẵn	Số lẻ
15 <u>4</u> ,	

2 a) Viết ba số chẵn, ba số lẻ.

– Số chẵn:

– Số lẻ:

b) Dùng cả bốn chữ số 2; 7; 5; 8 (mỗi chữ số chỉ dùng một lần) để viết số lẻ lớn nhất.

.....

1 Quan sát bảng các số từ 1 đến 100.

a) Nối (theo mẫu).

1	2	3	4	5			8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
					66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97			100

Số chẵn

Số lẻ

b) Số?

Từ 1 đến 100 có số lẻ và số chẵn.

2

a) Thực hiện các phép chia sau rồi xác định các phép chia hết, các phép chia có dư (theo mẫu).

$10 : 2$	$11 : 2$
$22 : 2$	$13 : 2$
$14 : 2$	$25 : 2$
$36 : 2$	$17 : 2$
$58 : 2$	$29 : 2$

Phép chia hết	Phép chia có dư
$10 : 2 = 5$	$11 : 2 = 5 \text{ (dư 1)}$
.....	
.....	
.....	
.....	

b) Viết vào chỗ chấm.

• Chữ số?

Các số chia hết cho 2 có tận cùng là chữ số

Các số không chia hết cho 2 có tận cùng là chữ số

• Chẵn hay lẻ?

Các số chia hết cho 2.

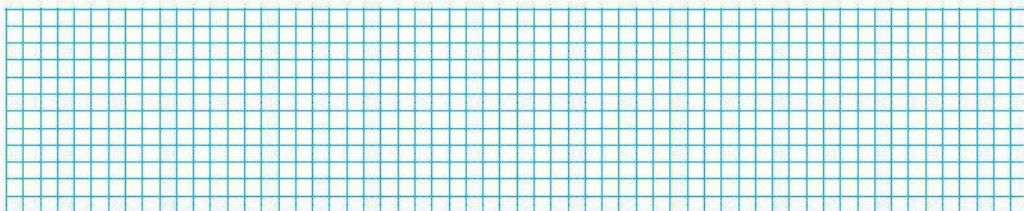
Các số không chia hết cho 2.

3

Đánh dấu (✓) các số chia hết cho 2 trong các số dưới đây.

71	106	8	32
()	()	()	()
4 085	98 130	619	2734
()	()	()	()

- 4 Một nhóm bạn được chia đều thành hai đội. Số bạn của nhóm đó là số chẵn hay số lẻ? Tại sao?



Số?

Người ta đánh số nhà ở đường phố như sau: một bên là số chẵn, một bên là số lẻ. Từ đầu đường đến cuối đường, các số nhà được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.



Bên trái hay bên phải?

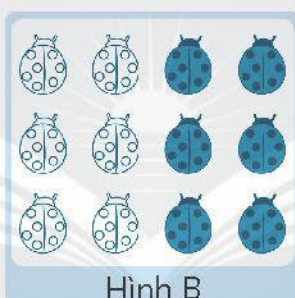
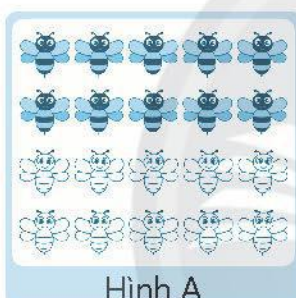
Nếu có dịp, em hãy quan sát các biển số nhà trên đường phố. Từ đầu đường đến cuối đường, các nhà mang biển số chẵn ở em.

1 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

- a) $60752 = 60\,000 + 700 + 50 + 2$.
- b) Số liền sau của một số là số lớn hơn số đó 1 đơn vị.
- c) Một số khi cộng với 0 thì bằng chính số đó.
- d) Một số khi nhân với 0 thì bằng chính số đó.
- e) Chỉ có các số 0; 2; 4; 6; 8 là số chẵn.

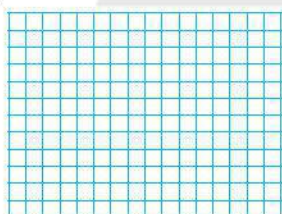
☐
☐
☐
☐
☐

2 Khoanh vào các hình được tô màu $\frac{1}{2}$ số con vật.

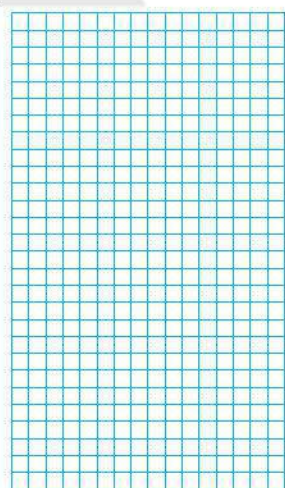


3 Đặt tính rồi tính.

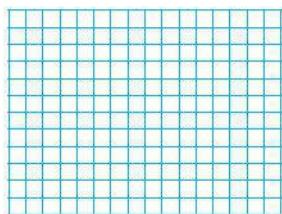
a) $69781 + 8154$



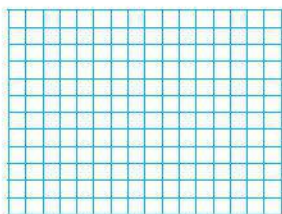
d) $8225 : 6$



b) $5083 - 78$



c) 4207×8





Số?

Ba bạn Thu, Thảo, Thành xếp được tất cả 405 ngôi sao. Sau đó, Thu cho Thành 15 ngôi sao, Thảo cho Thành 10 ngôi sao thì số ngôi sao của ba bạn bằng nhau.



a) Sau khi Thu và Thảo cho Thành, mỗi bạn có ngôi sao.

b) Lúc đầu:

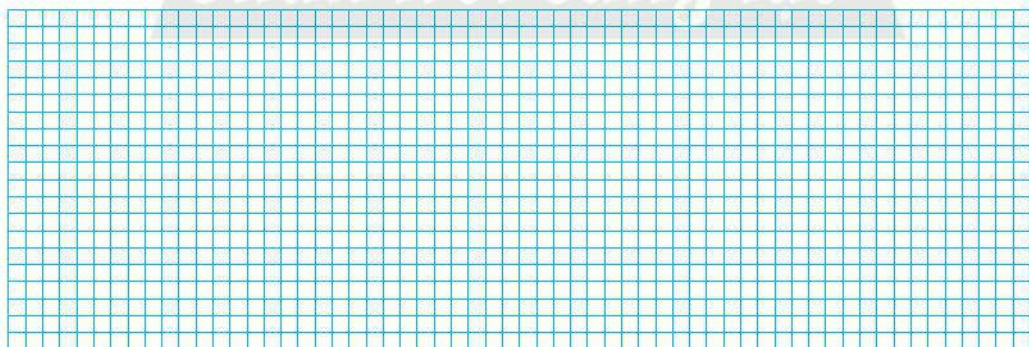
Thu xếp được ngôi sao.

Thảo xếp được ngôi sao.

Thành xếp được ngôi sao.

- 4** Các bạn Hà, Huế và Minh cùng đi mua đồ dùng học tập. Hà mang theo 24 000 đồng, Huế mang theo 48 000 đồng, số tiền của Minh bằng một nửa tổng số tiền của Hà và Huế. Hỏi Minh mang theo bao nhiêu tiền?

Bài giải



5 SỐ?

a) Trong các số từ 1 đến 90, những số chia hết cho 9 là:

[illegible]

b) Có một số tờ giấy màu và một số quyển vở. Mỗi số đó đều là các số có hai chữ số mà ta chưa biết chữ số hàng đơn vị: 3?; 4?.

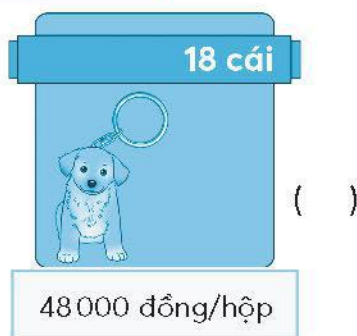
Hãy thay mỗi dấu ? bằng một chữ số thích hợp để số dụng cụ học tập này có thể chia đều được cho 9 nhóm bạn trong lớp.

Số dụng cụ học tập đó là: 3..., 4...



Có ba bạn dự định góp tiền mua chung một hộp đồ chơi.

Hãy làm dấu (✓) hộp em chọn để mỗi bạn đóng góp số tiền như nhau và nhận được số lượng đồ chơi như nhau.



BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ

Viết vào chỗ chấm.

Bài toán: Thường đều 18 quyển sách cho 9 bạn. Hỏi 3 bạn sẽ được thưởng bao nhiêu quyển sách?

Tóm tắt

9 bạn: 18 quyển
3 bạn: ... quyển?

Bài giải

Số sách mỗi bạn được thưởng là:
..... (quyển)

Số sách 3 bạn được thưởng là:
..... (quyển)

Đáp số: quyển sách.

Tìm số sách 1 bạn được thưởng là bước *Rút về đơn vị*.



1 Viết vào chỗ chấm.

Ở mỗi câu dưới đây, số đồ vật trong các hộp bằng nhau.

a) 6 hộp: 24 cái bút

1 hộp: cái bút

3 hộp: cái bút.

b) 5 hộp: 30 cái thước

1 hộp: cái thước

7 hộp: cái thước.

Muốn tính số bút trong 3 hộp, trước hết ta tính số bút trong hộp.

Muốn tính số thước trong hộp, trước hết ta tính

2 Nói theo mẫu.

Mẫu: Cô Thu xếp đều 36 cái bánh vào 9 hộp. Hỏi 7 hộp như thế có bao nhiêu cái bánh?

Tìm số bánh trong 1 hộp.

Sau đó, tìm số bánh trong 7 hộp.

1 hộp có 4 cái bánh.
7 hộp có 28 cái bánh.



a) Bà Tám nhốt đều 24 con thỏ vào 8 chuồng. Hỏi 6 chuồng như thế có bao nhiêu con thỏ?

b) Muốn có 6 can đầy như nhau cần 90 l nước. Để có 9 can đầy như thế cần bao nhiêu lít nước?

1 Có 35 kg gạo đựng đều trong 7 bao. Hỏi 4 bao gạo như thế có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Tóm tắt:

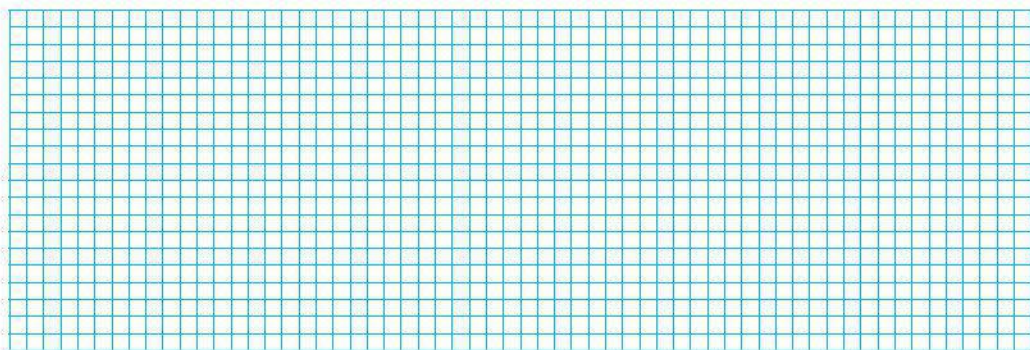
7 bao: 35 kg

..... :

4 bao: ... kg?



Bài giải



- 2 Muốn lát nền 4 căn phòng như nhau cần 2 400 viên gạch cùng loại. Để lát nền 6 căn phòng như thế cần bao nhiêu viên gạch loại đó?

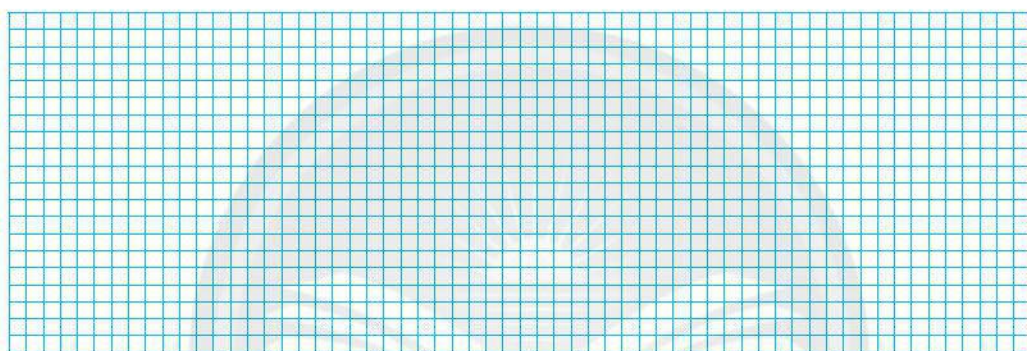
Tóm tắt

4 căn phòng: 2 400 viên

..... :

6 căn phòng: ... viên?

Bài giải



- 3 Giải bài toán theo tóm tắt sau.

Tóm tắt

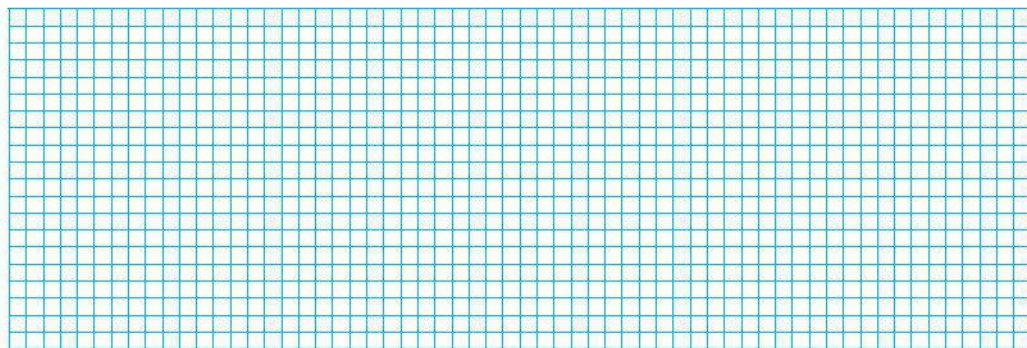
2 vỉ trứng: 60 000 đồng

3 vỉ trứng: ... đồng?

Giá tiền
mỗi vỉ trứng
như nhau.



Bài giải



BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ (tiếp theo)

Viết vào chỗ chấm.

Bài toán: Xếp đều 24 cái bánh vào 3 hộp. Hỏi có 40 cái bánh cùng loại thì xếp đều được bao nhiêu hộp như thế?

Tóm tắt

24 cái bánh: 3 hộp
40 cái bánh: ... hộp?

Bài giải

Số bánh trong mỗi hộp là:
..... (cái)

Số hộp để xếp 40 cái bánh là:
..... (hộp)

Đáp số: ... hộp.

Tìm số bánh trong 1 hộp là bước Rút về đơn vị.



1 Viết vào chỗ chấm.

Ở mỗi câu dưới đây, số cái bánh trong các hộp bằng nhau.

a) 8 cái bánh: 2 hộp

b) 18 cái bánh: 3 hộp

... cái bánh: **1** hộp

... cái bánh: **1** hộp

12 cái bánh: ... hộp

12 cái bánh: ... hộp

Muốn tính số hộp để xếp 12 cái bánh, trước hết ta tính số cái bánh trong ... hộp.

Muốn tính số hộp để xếp ... cái bánh, trước hết
.....

2 Nói theo mẫu.

Mẫu: Cắm đều 20 bông hoa vào 4 bình hoa. Hỏi có 50 bông hoa thì cắm được bao nhiêu bình hoa như thế?

Tìm số bông hoa được cắm trong 1 bình.

Sau đó, tìm số bình để cắm 50 bông hoa.

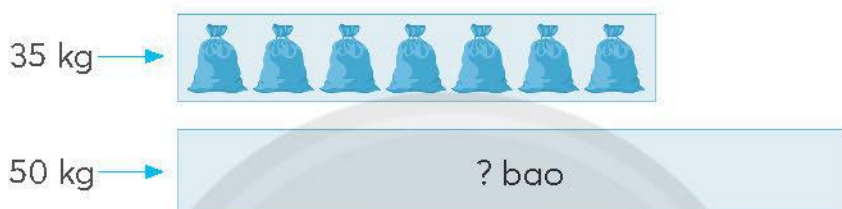
5 bông hoa cắm được 1 bình.
50 bông hoa cắm được 10 bình.



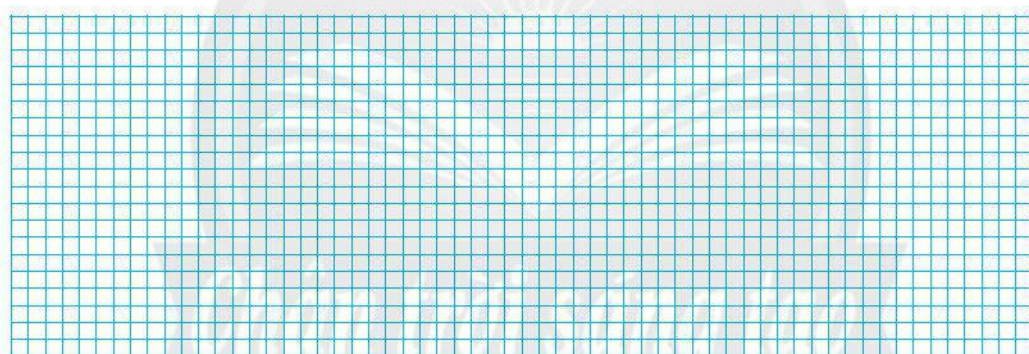
a) Xếp đều 21 quả hồng vào 3 đĩa. Hỏi có 56 quả hồng cùng loại thì xếp được bao nhiêu đĩa như thế?

b) Cô giáo chia đều 20 bạn thành 5 nhóm. Hỏi có 32 bạn thì chia được bao nhiêu nhóm như thế?

1 Chia đều 35 kg gạo thành 7 bao. Hỏi có 50 kg gạo thì chia đều được bao nhiêu bao như thế?



Bài giải



2 Có 15 bạn đứng thành 3 hàng đều nhau. Hỏi có 35 bạn thì đứng thành mấy hàng như thế?

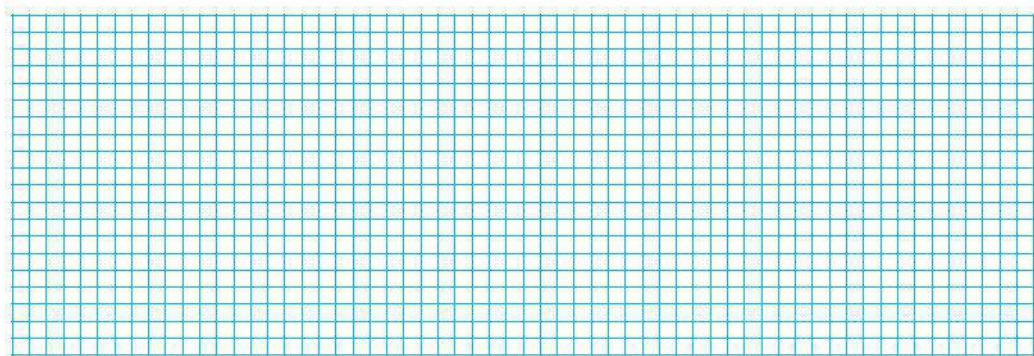
Tóm tắt

15 bạn: 3 hàng

.....:

35 bạn: ... hàng?

Bài giải



3 Giải bài toán theo tóm tắt sau.

Tóm tắt

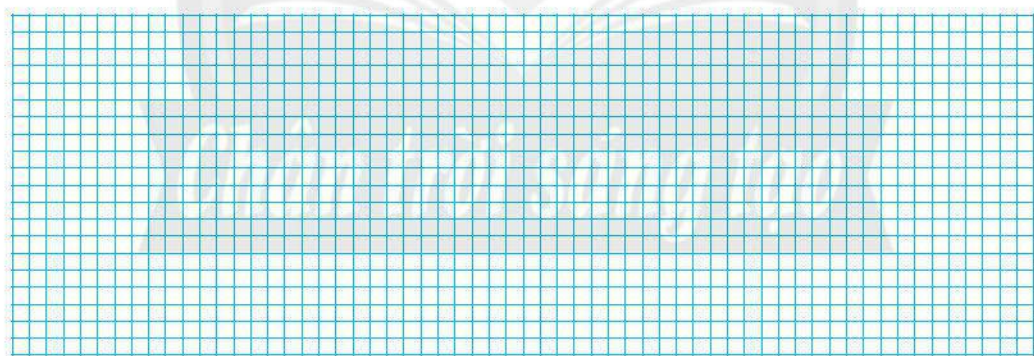
72 cái bàn: 9 xe

56 cái bàn: ... xe?

Các xe chở số cái bàn như nhau.



Bài giải



Viết vào chỗ chấm.

Bài toán: An mua 3 cái bút chì và 2 quyển vở. Mỗi cái bút chì có giá 4500 đồng, mỗi quyển vở có giá 7500 đồng. Hỏi An đã mua cả vở và bút chì hết bao nhiêu tiền?

Tóm tắt

1 bút chì: 4500 đồng

1 quyển vở: 7500 đồng

3 bút chì và 2 quyển vở: ... đồng?

Bài giải

Số tiền An mua bút chì là:

.....

Số tiền An mua vở là:

.....

Số tiền An mua bút chì và vở là:

.....

Đáp số:

- 1** Một chiếc xe chở 5 bao khoai tây và 3 bao khoai lang. Khối lượng khoai tây trong mỗi bao là 25 kg, khối lượng khoai lang trong mỗi bao là 20 kg. Hỏi chiếc xe đó chở tất cả bao nhiêu ki-lô-gam khoai tây và khoai lang?

a) Nối thứ tự các bước tính cho phù hợp.

Bước 1

Tính khối lượng khoai tây trong 5 bao

Bước 2

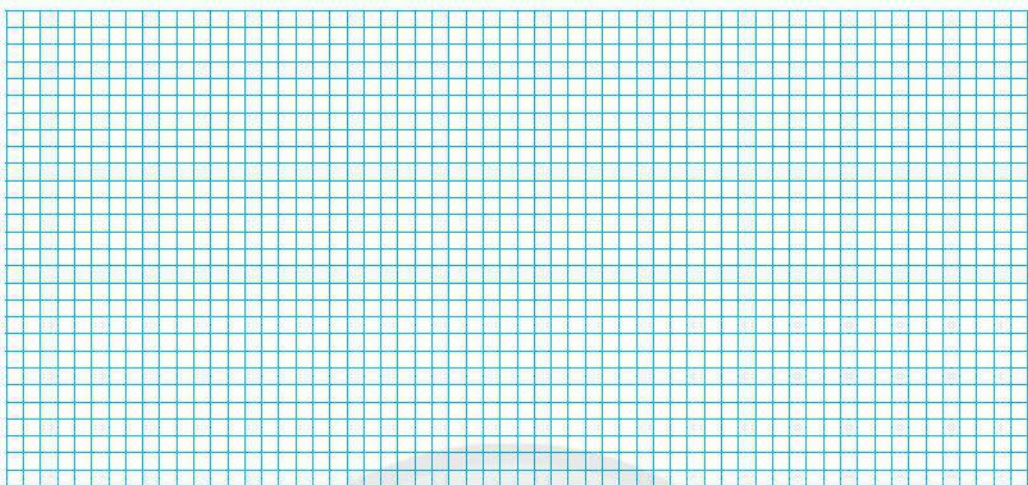
Tính khối lượng khoai tây và khoai lang
chiếc xe chở

Bước 3

Tính khối lượng khoai lang trong 3 bao

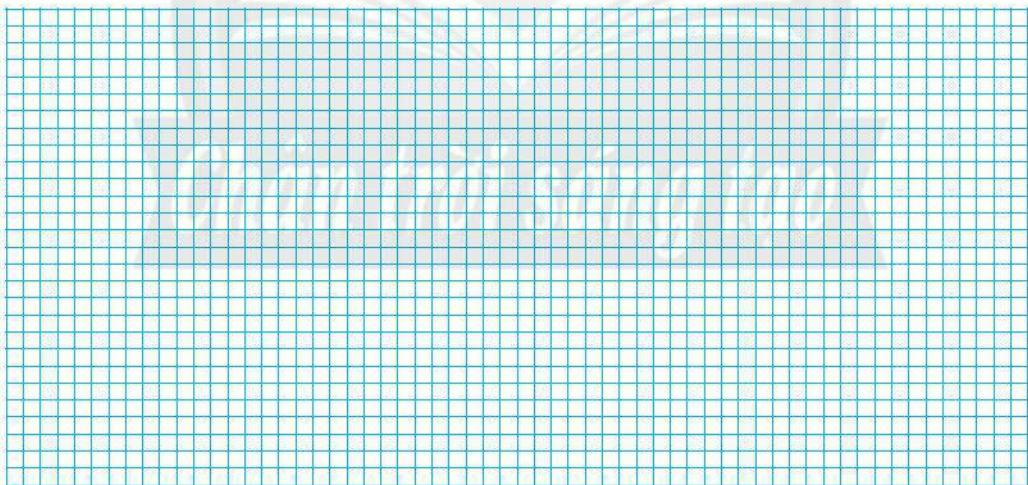
b)

Bài giải



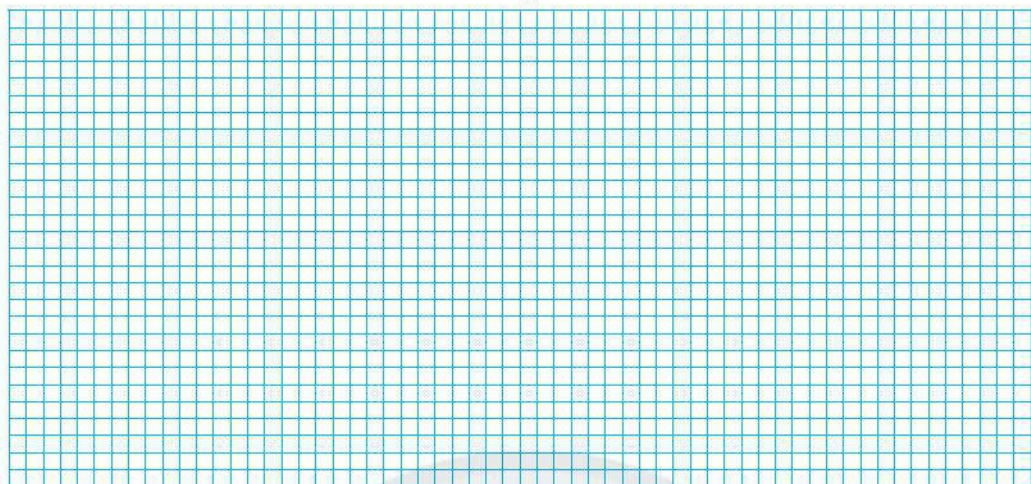
- 1 Mẹ mua 4 hộp sữa và 2 kg đường. Mỗi hộp sữa có giá 8 000 đồng, 1 kg đường có giá 22 000 đồng. Hỏi mẹ đã mua cả sữa và đường hết bao nhiêu tiền?

Bài giải



- 2 Có 3 bao gạo như nhau cân nặng tất cả 45 kg và 1 bao đậu xanh cân nặng 10 kg. Hỏi 5 bao gạo như thế và 1 bao đậu xanh cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải



3 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Để đi từ nhà đến hiệu sách, Bình phải đi qua bưu điện. Quãng đường từ nhà Bình đến bưu điện dài 500 m và dài hơn quãng đường từ bưu điện đến hiệu sách là 150 m.

Quãng đường từ nhà Bình đến hiệu sách, cả đi và về:

- A. Ngắn hơn 1 km. B. Bằng 1 km.
C. Dài hơn 1 km nhưng ngắn hơn 2 km. D. Dài hơn 2 km.



Số?

Tên hàng	Số lượng	Giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Vở 100 trang	4	9 500	
Bút chì	2	3 500	
Tổng cộng: đồng			

1 Nối biểu thức với thứ tự thực hiện phép tính đúng.

$$125 - 84 + 239$$

$$156 : 3 \times 4$$

$$45 + 27 \times 6$$

$$63 : (162 - 155)$$

Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia: ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.

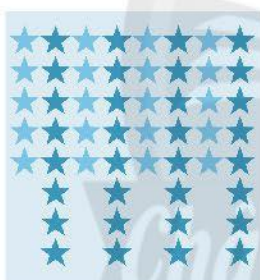
Biểu thức có dấu ngoặc () thì trước tiên ta thực hiện các phép tính trong ngoặc.

Biểu thức chỉ có các phép tính cộng, trừ, ta thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

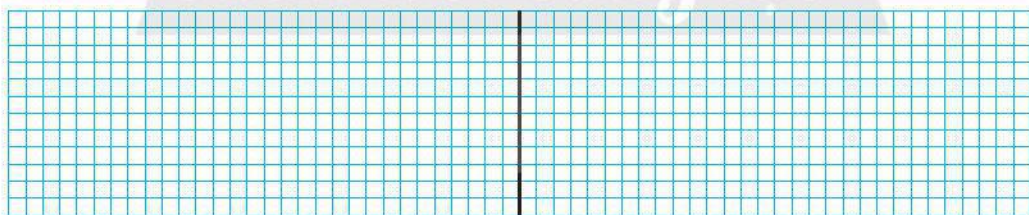
Biểu thức chỉ có các phép tính nhân, chia, ta thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

2 Tính số ngôi sao ở mỗi hình theo hai cách (xem mẫu trong SGK).

a)



b)



3 Số?



7 000 đồng/cái



33 000 đồng/vỉ

Em dùng 1 tờ tiền 50 000 đồng để mua 1 vỉ trứng và 2 cái bánh mì (giá tiền như trên), người bán hàng sẽ trả lại em đồng.

Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK, ta thấy:

Đã có 5 con chim đến ăn.

Số con chim đến thêm có thể là 1; 2; 3; ...

Ta nói: Có thể có thêm a con chim bay đến thì sẽ có tất cả $5 + a$ con chim.

Viết vào chỗ chấm.

$5 + a$ là *biểu thức có chứa một chữ*.

- Nếu $a = 1$ thì $5 + a = 5 + 1 = 6$; 6 là một giá trị của biểu thức $5 + a$.
- Nếu $a = 2$ thì $5 + a = 5 + 2 = 7$; 7 là một giá trị của biểu thức $5 + a$.
- Nếu $a = 6$ thì;

Mỗi lần thay chữ a bằng số, ta tính được một giá trị của biểu thức $5 + a$.

1 Tính giá trị của biểu thức rồi nói theo mẫu.

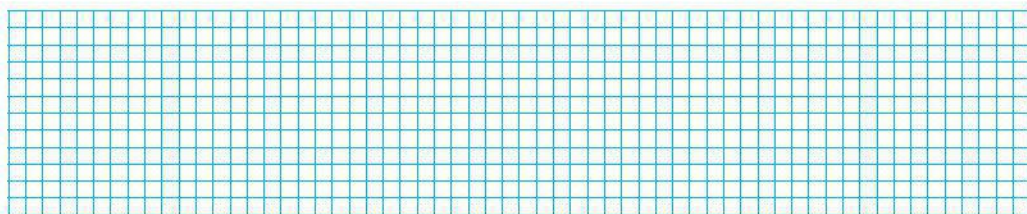
Mẫu: $32 - b \times 2$ với $b = 15$

$$\begin{aligned} \text{Nếu } b = 15 \text{ thì } 32 - b \times 2 &= 32 - 15 \times 2 \\ &= 32 - 30 \\ &= 2. \end{aligned}$$

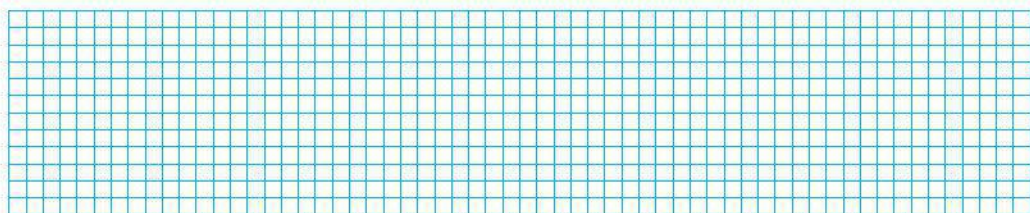
2 là một giá trị
của biểu thức
 $32 - b \times 2$.



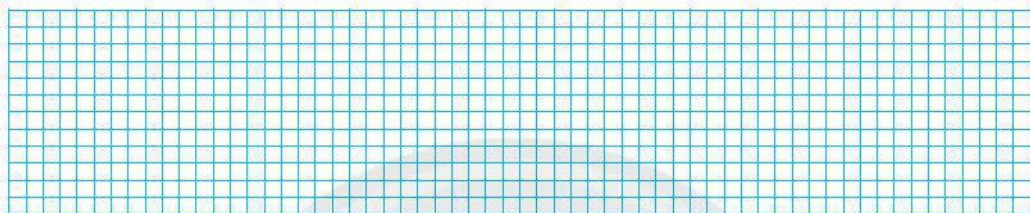
a) $a + 45$ với $a = 18$



b) $24 : b$ với $b = 8$



c) $(c - 7) \times 5$ với $c = 18$

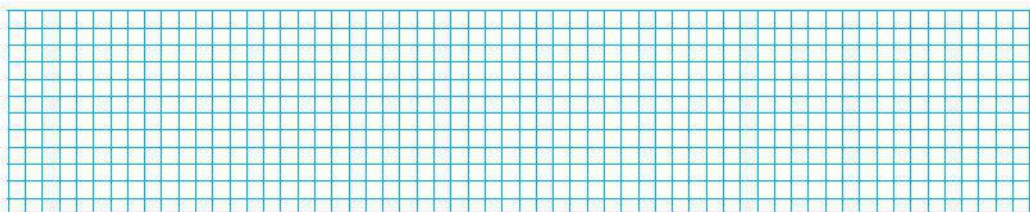


2 Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu).

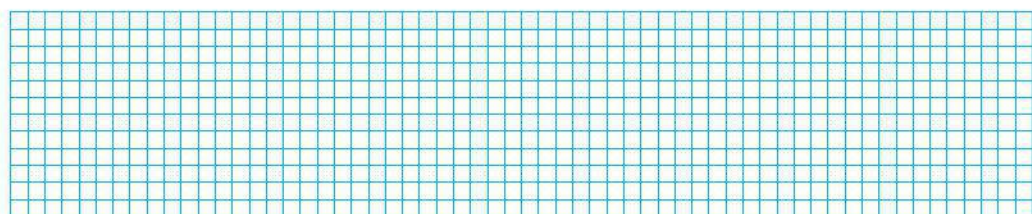
Biểu thức	n	Giá trị của biểu thức
$15 \times n$	6	90
$37 - n + 5$	17	
$n : 8 \times 6$	40	
$12 - 36 : n$	3	

1 Tính giá trị của biểu thức.

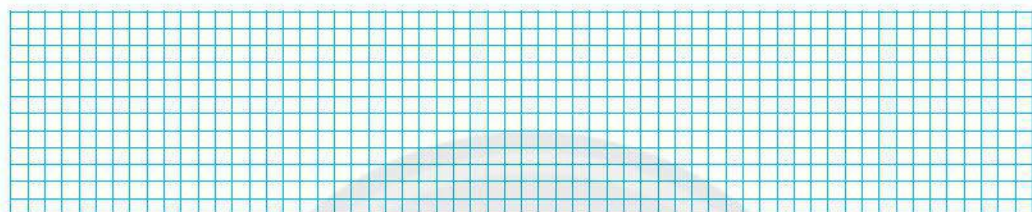
a) $24 + 7 \times a$ với $a = 8$



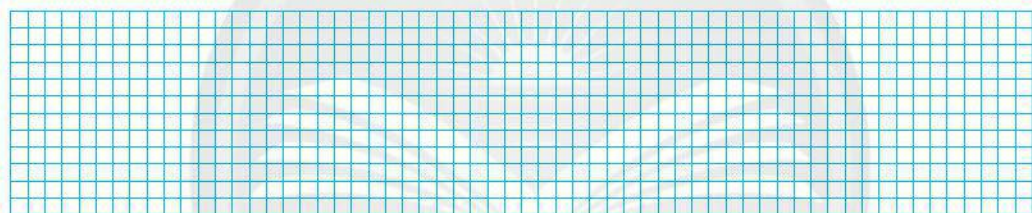
b) $40 : 5 + b$ với $b = 0$



c) $121 - (c + 55)$ với $c = 45$



d) $d : (12 : 3)$ với $d = 24$



- 2 Một hình vuông có cạnh là a . Gọi chu vi hình vuông là P .

Công thức tính chu vi hình vuông là: $P = a \times 4$.



Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm.

a	5 cm	8 dm	12 m	
P	20 cm			24 m

- 3 Số?

a) $25 + \dots = 52$

b) $\dots - 14 = 21$

c) $42 : \dots = 7$



Tú và Hà thi ném bóng
vào rổ.

Em dự đoán: Mỗi bạn ném bao nhiêu quả bóng vào rổ?

Viết vào chỗ chấm.

Tú	Hà	Cả hai bạn
...	...	...
a	b	$a + b$

Viết vào chỗ chấm.

$a + b$ là biểu thức có chứa hai chữ.

- Nếu $a = 1$ và $b = 3$ thì $a + b = 1 + 3 = 4$;
4 là một *giá trị của biểu thức* $a + b$.
- Nếu $a = 2$ và $b = 5$ thì

Mỗi lần thay chữ bằng số, ta tính được một giá trị của biểu thức $a + b$.

1 Tính giá trị của biểu thức $3 \times a + b$ nếu:

a) $a = 8$ và $b = 15$

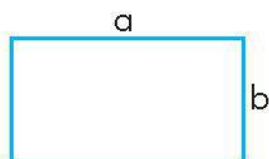


b) $a = 1$ và $b = 97$

- 1** Một hình chữ nhật có chiều dài là a , chiều rộng là b (a và b cùng đơn vị đo).

Gọi S là diện tích của hình chữ nhật.

Công thức tính diện tích hình chữ nhật là: $S = a \times b$.



Số?

a	7 cm	7 cm	 cm
b	5 cm	 cm	9 cm
S	 cm^2	35 cm^2	144 cm^2

- 2** Một hình chữ nhật có chiều dài là a , chiều rộng là b (a và b cùng đơn vị đo).

Gọi P là chu vi của hình chữ nhật.

Công thức tính chu vi hình chữ nhật là: $P = (a + b) \times 2$.

Số?

a	8 cm	12 m	20 m
b	6 cm	7 m	 m
P	 cm	 m	60 m



Ba bạn thi đá bóng
vào khung thành.

Em dự đoán: Mỗi bạn đá bao nhiêu quả bóng vào khung thành?

Viết vào chỗ chấm.

An	Bảo	Nam	Cả ba bạn
...	...	...	...
a	b	c	$a + \dots + \dots$

Viết vào chỗ chấm.

$a + b + c$ là biểu thức có chứa ba chữ.

- Nếu $a = 1$, $b = 2$ và $c = 1$ thì $a + b + c = 1 + 2 + 1 = 4$;
4 là một giá trị của biểu thức $a + b + c$.
- Nếu $a = 2$, $b = 0$ và $c = 1$ thì

Mỗi lần thay chữ bằng số, ta tính được một giá trị của biểu thức $a + b + c$.

1 Tính giá trị của biểu thức $a + b + c$ nếu:

a) $a = 6, b = 9, c = 20$

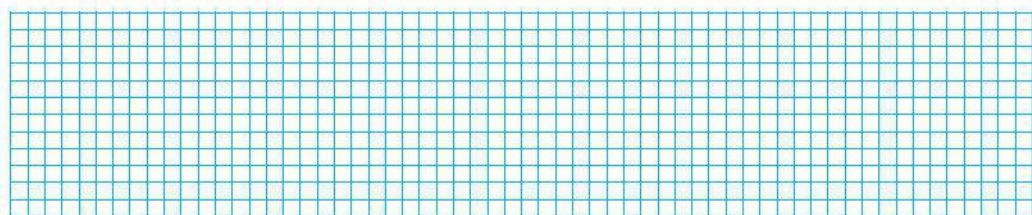
A large grid of graph paper, consisting of 20 columns and 10 rows of squares, intended for drawing a picture.

b) $a = 17, b = 5, c = 8$

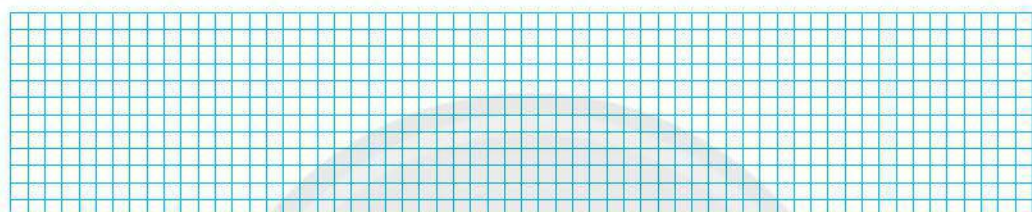


2 Tính giá trị của biểu thức $a \times b \times c$ nếu:

a) $a = 4, b = 3, c = 5$



b) $a = 21, b = 0, c = 58$

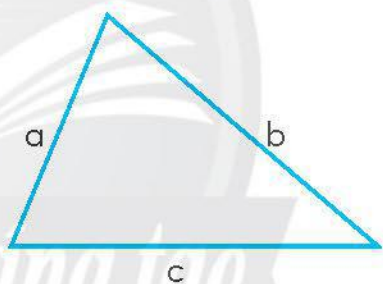


1 Độ dài các cạnh của hình tam giác là a, b, c (cùng đơn vị đo).

Gọi P là chu vi của hình tam giác.

Công thức tính chu vi hình

tam giác là: $P = a + b + c$.

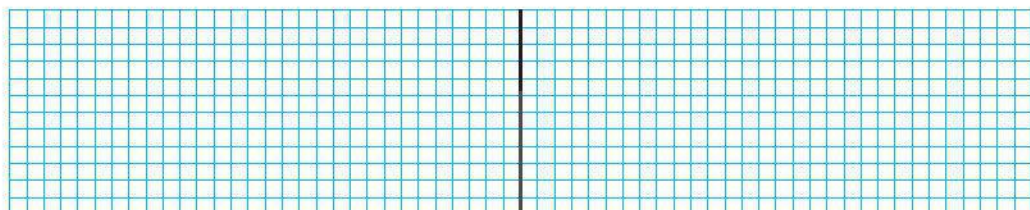


Số?

a	3 cm	8 dm	9 m
b	4 cm	8 dm	9 m
c	5 cm	6 dm	9 m
P	 cm	 dm	 m

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN, TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

Quan sát hình vẽ phần Khởi động trong SGK, em hãy đặt phép tính phù hợp với câu trả lời của mỗi bạn rồi tính.



Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ chấm.

Tính chất giao hoán của phép cộng

$$45 + 47 \dots\dots\dots 47 + 45$$

$$8\,154 + 695 \dots\dots\dots 695 + 8\,154$$

$$a + b \dots\dots\dots b + a$$

Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.

Tính chất kết hợp của phép cộng

$$(7 + 9) + 5 \dots\dots\dots 7 + (9 + 5)$$

$$(59 + 28) + 12 \dots\dots\dots 59 + (28 + 12)$$

$$(a + b) + c \dots\dots\dots a + (b + c)$$

Khi cộng một tổng hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.

Chú ý: Ta có thể tính giá trị của biểu thức dạng $a + b + c$ như sau:

$$a + b + c = (a + b) + c = a + (b + c)$$

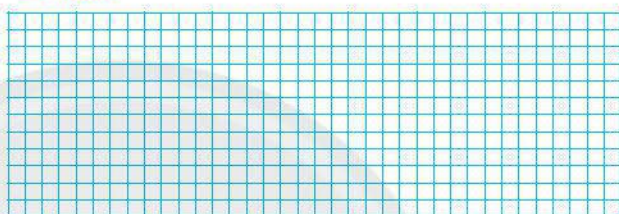
1 Số?

- a) $75 + 318 = 318 + \dots\dots\dots$ b) $467 + 5924 = \dots\dots\dots + 467$
c) $66 + \dots\dots\dots = 8\,672 + 66$ d) $\dots\dots\dots + 18\,436 = 18\,436 + 54$

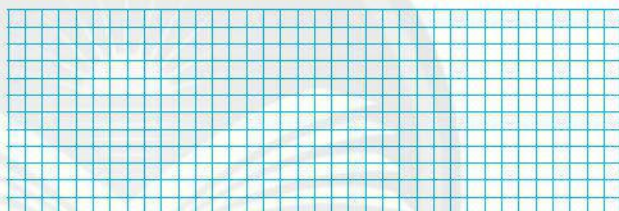
2 Tính bằng cách thuận tiện (theo mẫu).

Mẫu: $17 + 148 + 32 + 83 = (17 + 83) + (148 + 32)$
 $= 100 + 180$
 $= 280$

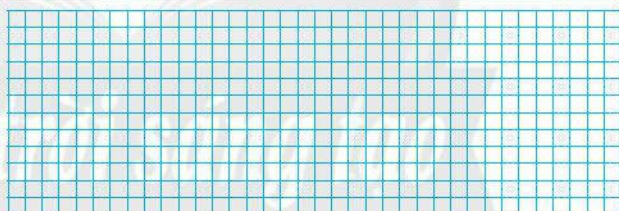
a) $24 + 17 + 26$



b) $80 + 310 + 120 + 90$



c) $34 + 140 + 60 + 16$



1 $>, <, =$

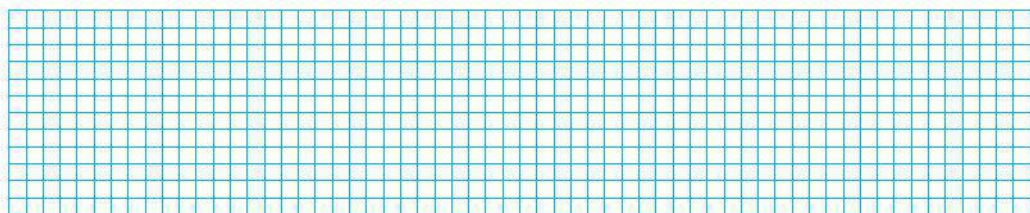
- a) $2\,022 + 1\,975 \dots\dots\dots 1\,975 + 2\,022$
b) $2\,022 + 1\,975 \dots\dots\dots 1\,975 + 2\,020$
c) $2\,022 + 1\,975 \dots\dots\dots 1\,977 + 2\,022$
d) $2\,022 + 1\,975 \dots\dots\dots 2\,025 + 1\,972$

2 Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

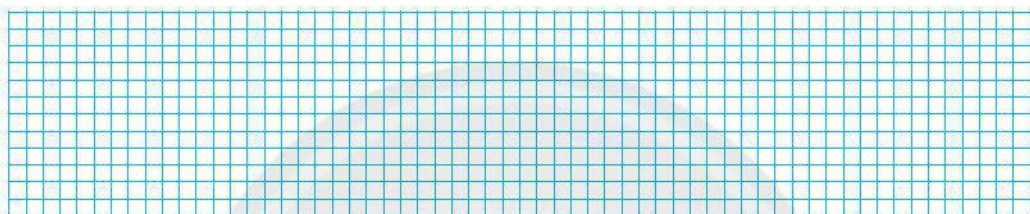
- a) $m + n = \dots\dots\dots + m$ b) $a + 0 = \dots\dots\dots + a = \dots\dots\dots$

3 Tính bằng cách thuận tiện.

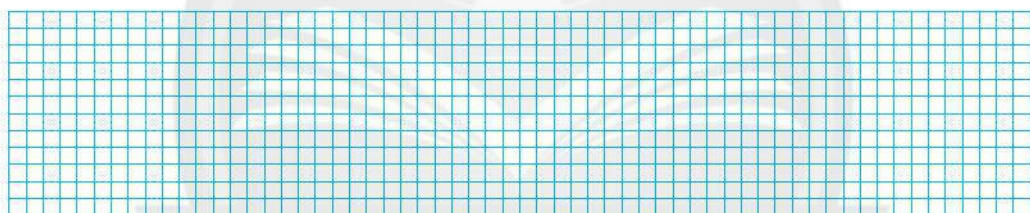
a) $3\text{ kg} + 30\text{ kg} + 270\text{ kg}$



b) $320\text{ km} + 32\text{ km} + 680\text{ km} + 68\text{ km}$



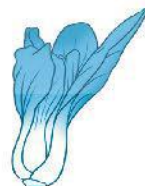
c) $2500\text{ l} + 2900\text{ l} + 2100\text{ l} + 2500\text{ l}$



Số?

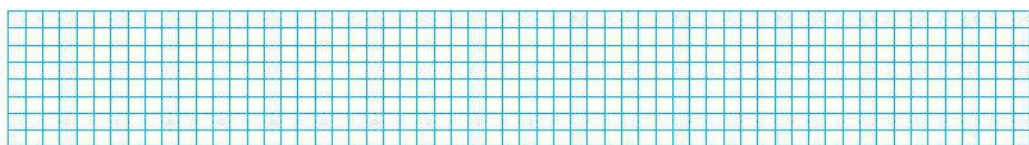
Chân trời sáng tạo

Tổng số tiền bà đi chợ là đồng.



TÍNH CHẤT GIAO HOÁN, TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN

Đọc nội dung phần Khởi động trong SGK, viết các phép tính tìm số biến báo, rồi tính.



Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ chấm.

Tính chất giao hoán của phép nhân

$$4 \times 3 \dots\dots 3 \times 4$$

$$7 \times 9 \dots\dots 9 \times 7$$

$$a \times b \dots\dots b \times a$$

Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.

Tính chất kết hợp của phép nhân

$$(5 \times 3) \times 2 \dots\dots 5 \times (3 \times 2)$$

$$(12 \times 2) \times 4 \dots\dots 12 \times (2 \times 4)$$

$$(a \times b) \times c \dots\dots a \times (b \times c)$$

Khi nhân một tích hai số với số thứ ba, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.

Chú ý: Ta có thể tính giá trị của biểu thức dạng $a \times b \times c$ như sau:

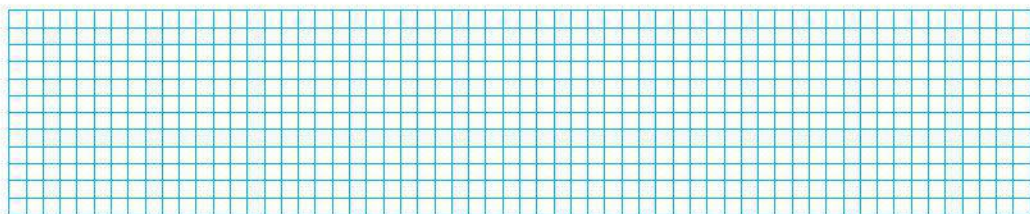
$$a \times b \times c = (a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

1 Tính bằng cách thuận tiện (theo mẫu).

$$\begin{aligned} \text{Mẫu: } 2 \times 9 \times 5 &= (2 \times 5) \times 9 \\ &= 10 \times 9 \\ &= 90 \end{aligned}$$

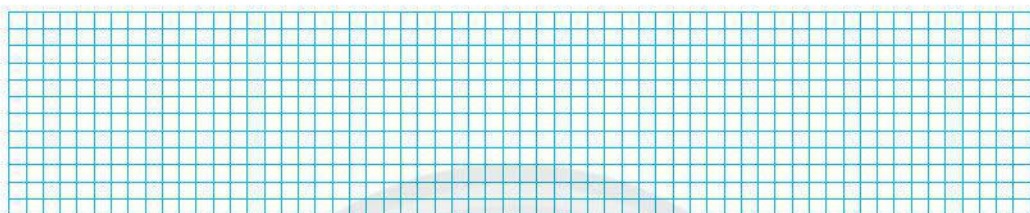
a) $5 \times 3 \times 4$

b) $6 \times 5 \times 7$



c) $20 \times 9 \times 5$

d) $2 \times 7 \times 50$



1 Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

a) $m \times n = \dots \times m$

b) $a \times 1 = \dots \times a = \dots$

c) $a \times 0 = \dots \times a = \dots$

2 Nhân một tổng với một số, nhân một số với một tổng.

a) Tính số hộp sữa trên cả hai kệ.



Cách 1: $(6 + 4) \times 2 = \dots$

$= \dots$

Cách 2: $6 \times 2 + 4 \times 2 = \dots$

$= \dots$

Ta có:

$(6 + 4) \times 2 = 6 \times 2 + 4 \times 2$

$2 \times (6 + 4) = 2 \times 6 + 2 \times 4$

$a \times (b + c) = a \times b + a \times c$

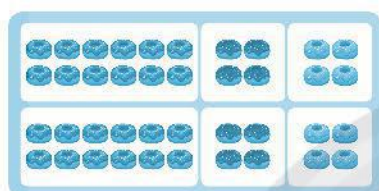
Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng các kết quả với nhau.

b) Dưới đây là các biểu thức thể hiện cách tính số cái bánh ở mỗi hình. Nối hình ảnh phù hợp với biểu thức.

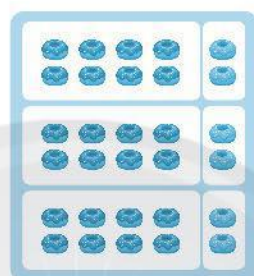
A $8 \times 3 + 2 \times 3$

B $7 \times 4 + 3 \times 4$

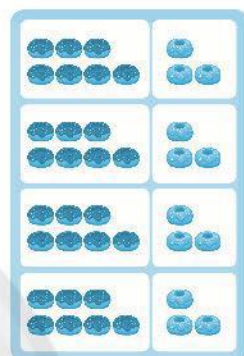
C $12 \times 2 + 4 \times 2 + 4 \times 2$



Hình 1



Hình 2

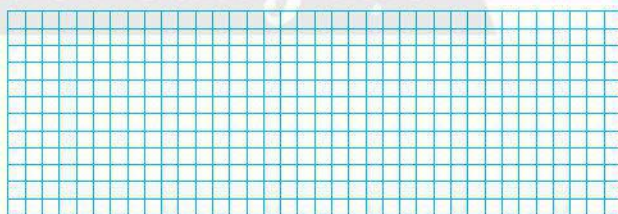


Hình 3

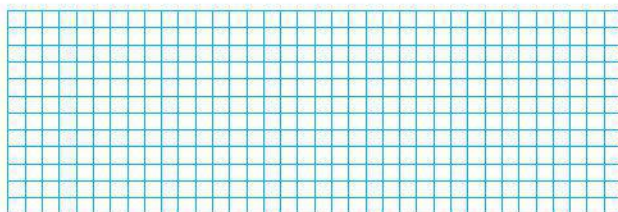
c) Tính giá trị của mỗi biểu thức ở câu b (theo mẫu).

Mẫu: $8 \times 3 + 2 \times 3 = (8 + 2) \times 3$
 $= 10 \times 3$
 $= 30$

$7 \times 4 + 3 \times 4$



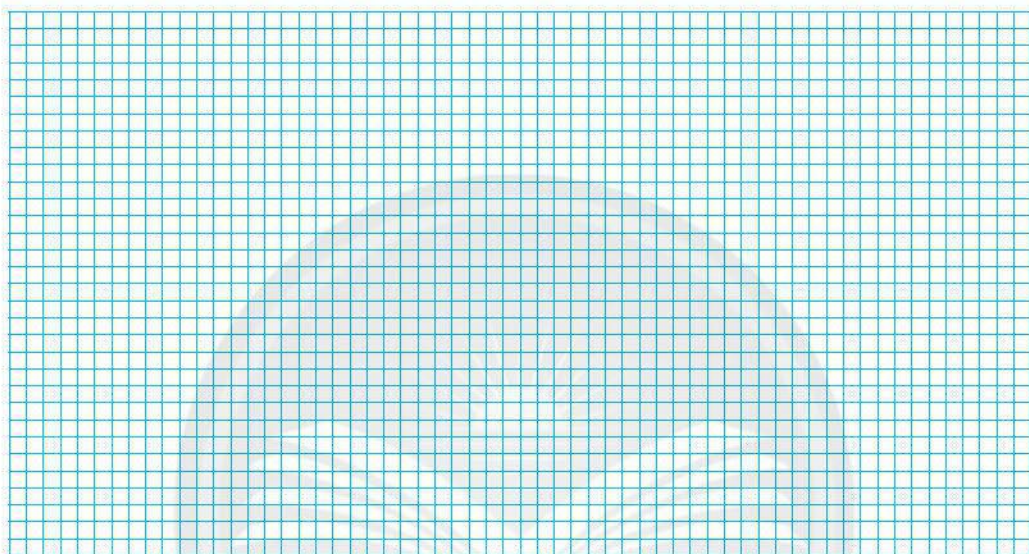
$12 \times 2 + 4 \times 2 + 4 \times 2$



- 3 Đội văn nghệ của trường gồm 5 nhóm, mỗi nhóm đều có 6 bạn nữ và 4 bạn nam. Hỏi đội văn nghệ của trường có bao nhiêu bạn? (Tính bằng hai cách.)



Bài giải



Số?

An mua 3 phần quà cho lớp. Mỗi phần quà gồm 1 quyển truyện, 1 tờ miếng dán hình và 1 hộp bút chì màu (giá tiền như dưới đây).

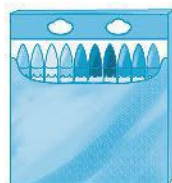
An đưa cho cô bán hàng 1 tờ tiền 100 000 đồng, cô bán hàng trả lại An đồng.



17 000 đồng/quyển



4 000 đồng/tờ



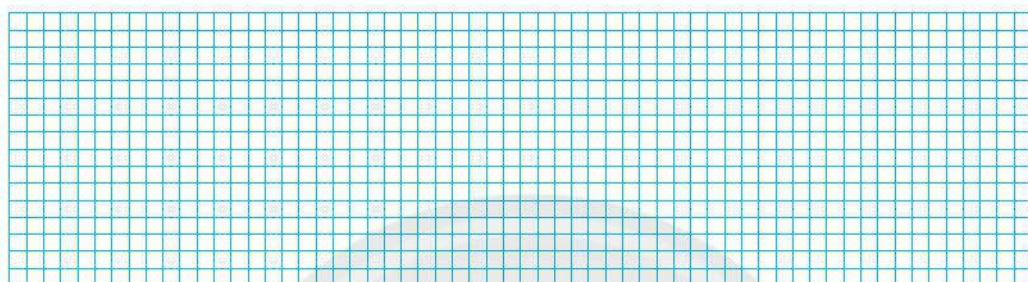
12 000 đồng/hộp

1 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $36 + 12 + 14 + 38$

b) $2 \times 3 \times 5000$

c) $9 \times 13 + 9 \times 7$



2 Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật (theo mẫu).

a	b	$P = (a + b) \times 2$	$S = a \times b$
12 cm	9 cm	$(12 + 9) \times 2 = 42 \text{ (cm)}$	$12 \times 9 = 108 \text{ (cm}^2\text{)}$
24 cm	7 cm		

3 a) Trong hình ở SGK, số hình tròn màu xanh nhiều hơn số hình tròn màu đỏ là bao nhiêu hình?

Viết vào chỗ chấm.

Cách 1: $14 \times 3 - 4 \times 3 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

Cách 2: $(14 - 4) \times 3 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

>, <, =

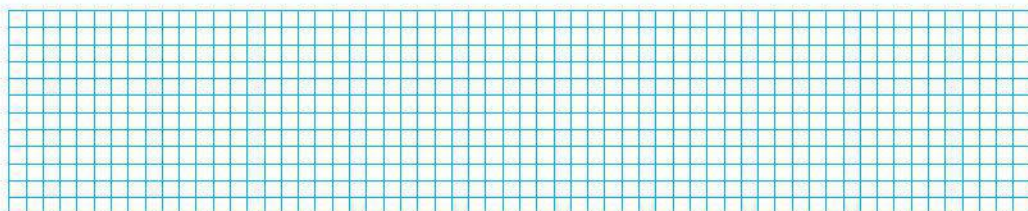
$(14 - 4) \times 3$ $14 \times 3 - 4 \times 3$

b) Tính (theo mẫu).

$$\begin{aligned}
 \text{Mẫu: } 14 \times 3 - 4 \times 3 &= (14 - 4) \times 3 \\
 &= 10 \times 3 \\
 &= 30
 \end{aligned}$$

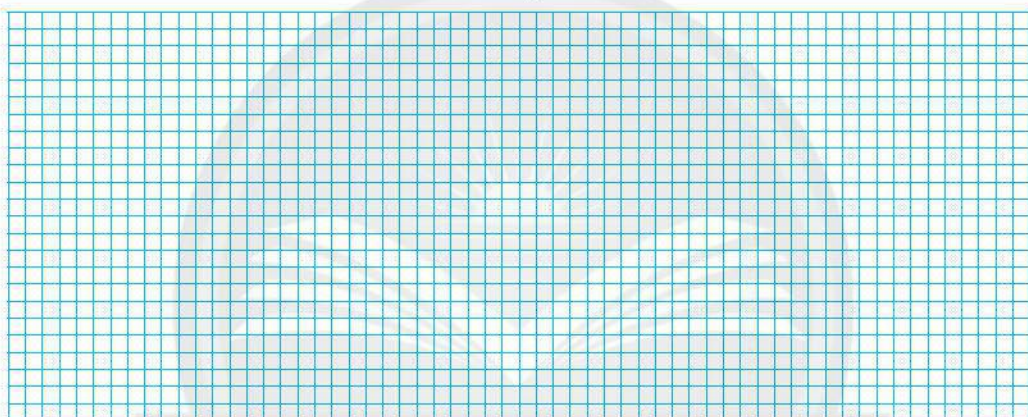
$$29 \times 2 - 9 \times 2$$

$$7 \times 214 - 7 \times 14$$

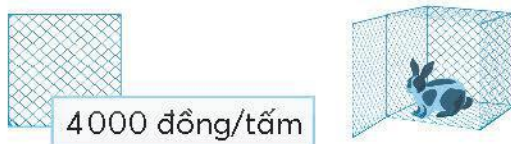


- 4 Mẹ mua 2 kg cam hết 52 000 đồng, ba mua 3 kg cam cùng loại hết 87 000 đồng. Hỏi ba và mẹ ai mua cam giá rẻ hơn, mỗi ki-lô-gam rẻ hơn bao nhiêu tiền?

Bài giải

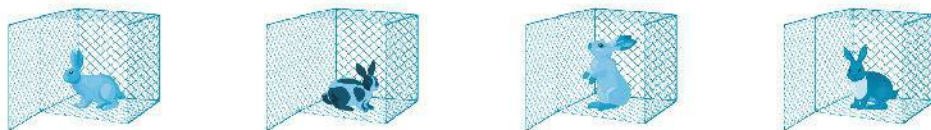


- 5 Lớp em dự định mua các tấm lưới hình vuông để lắp ráp các chuồng thỏ có dạng khối lập phương (xem hình).

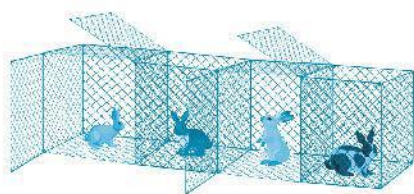


a) Số?

Để lắp ráp 4 chuồng thỏ như hình bên dưới thì phải dùng đồng để mua các tấm lưới.



b) Quan sát hình ảnh 4 chuồng thỏ được lắp ráp theo cách bên dưới.



• Viết vào chỗ chấm.

Với cách lắp ráp này số tấm lưới phải dùng sẽ ít đi mặc dù các chuồng vẫn riêng biệt, vì

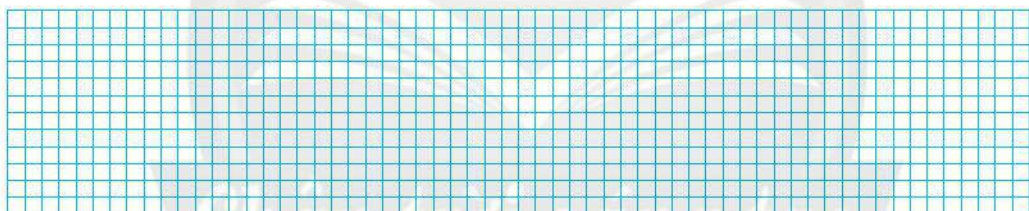
.....

• Số?

4 chuồng thỏ lắp ráp theo cách này sẽ tiết kiệm được tất cả là đồng.



Vẫn dùng các tấm lưới ở bài 5, em hãy tìm cách lắp ráp 4 chuồng thỏ để chi phí tiết kiệm hơn cách lắp ráp ở câu b. (Kích thước mỗi chuồng không thay đổi, các chuồng riêng biệt.)

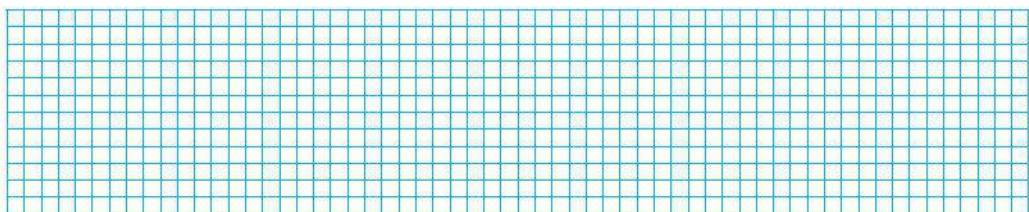


Đọc nội dung trong SGK, viết số vào chỗ chấm.

Mỗi năm thỏ cái đẻ khoảng lứa, mỗi lứa khoảng thỏ con. Thỏ trưởng thành thường nặng khoảng kg.



Đọc nội dung trong SGK rồi tính giá trị của biểu thức $a \times b \times c$ với $a = 3$, $b = 2$, $c = 5$.



Viết vào chỗ chấm.

• Dãy số liệu



Tổ 1

Tổ 2

Tổ 3

Tổ 4

Viết các số đo khối lượng của bốn con thỏ ta được dãy số liệu:

800 g; 1 kg 500 g; 1 kg; 1 kg 200 g.

Dãy trên có bốn số liệu:

Số thứ nhất là 800 g, số thứ hai là

số thứ ba là, số thứ tư là

• Sắp xếp dãy số liệu

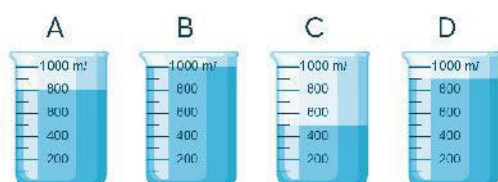
Ta có thể sắp xếp dãy số liệu theo nhiều cách.

Sắp xếp dãy số liệu trên theo thứ tự từ lớn đến bé.

.....;;;

1 Quan sát hình ảnh, viết dãy số liệu rồi sắp xếp dãy số liệu theo thứ tự từ bé đến lớn.

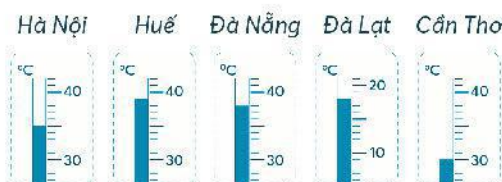
a) Lượng nước trong mỗi bình. b) Nhiệt độ tại cùng một thời điểm.



800 ml ; ;

Sắp xếp:

.....;;;



35 °C ; ; ; ;

Sắp xếp:

.....;;;;

2 Đọc nội dung trong SGK, viết vào chỗ chấm.

a) Đếm số quả cà chua ở mỗi cây để hoàn thành bảng thống kê số liệu.

Lớp	4A	4B	4C	4D	4E
Số quả	9				

b) Viết dãy số liệu: 9;;;;

c) Sắp xếp dãy số liệu ở câu a) theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....;;;;

d) Sắp xếp tên các lớp theo thứ tự số lượng quả từ ít đến nhiều.

.....;;;;

1 a) Đọc biểu đồ tranh trong SGK.

b) Số?

- Cây cà chua của lớp 4D ít hơn cây của lớp 4B quả.
- Cây cà chua có nhiều quả nhất hơn cây có ít quả nhất là quả.



Đọc nội dung trong SGK, viết vào chỗ chấm.

a)

Phương tiện	Đi bộ	Xe đạp	Xe máy	Xe buýt	Loại khác
Số học sinh					

b) Viết dãy số liệu:;;;;

c) Sắp xếp dãy số liệu ở câu b) theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....;;;;

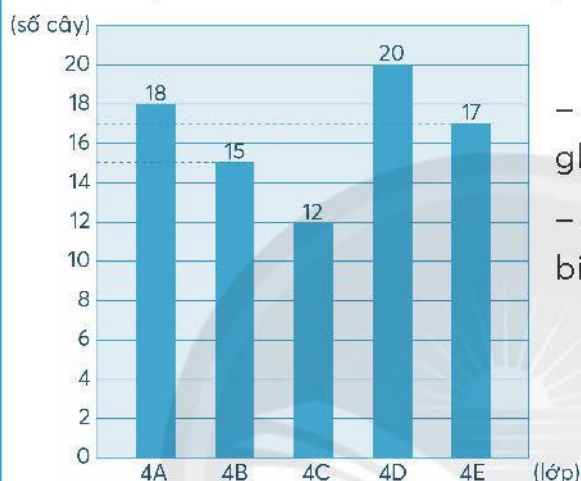
d) Sắp xếp tên các loại phương tiện theo thứ tự số lượng từ ít đến nhiều:;;;;

.....;;

Viết vào chỗ chấm.

• Biểu đồ cột

Dưới đây là biểu đồ cho biết số cây đã trồng của khối lớp Bốn.



– Hàng ngang bên dưới ghi tên

– Các số ghi ở cột bên trái biểu đồ chỉ

• Đọc và mô tả các số liệu ở biểu đồ

– Biểu đồ cho biết số cây đã trồng của các lớp khối Bốn gồm:

4A,,,

– Mỗi cột tô màu biểu thị số cây trồng của mỗi lớp.

Lớp 4A trồng được 18 cây, lớp 4B trồng được 15 cây,

lớp
.....

– Dựa vào độ cao, thấp của các cột màu, ta dễ dàng so sánh số cây đã trồng của các lớp.

Lớp đã trồng nhiều cây nhất là, ít cây nhất là

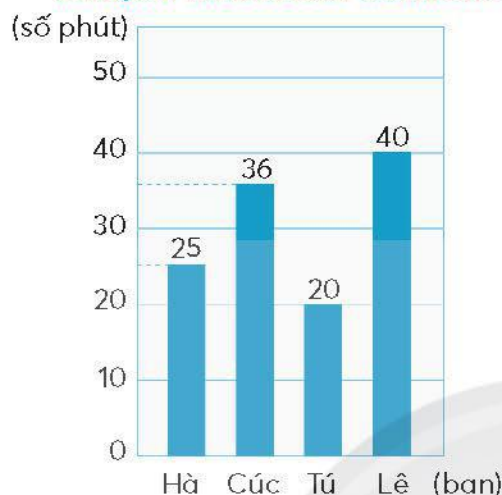
Lớp 4A trồng được nhiều cây hơn các lớp

Lớp 4B trồng được ít cây hơn các lớp

Viết vào chỗ chấm.

1 Quan sát biểu đồ sau.

Thời gian ăn bữa trưa của nhóm em



a) Biểu đồ cột ở bên biểu diễn

b) Tên các bạn trong nhóm em:

c) Các cột tô màu cho biết

ăn bữa trưa của nhóm em.

Hà: phút, Cúc: phút,

Tú: phút, Lê: phút.

d) – Bạn ăn nhanh nhất. Bạn ăn chậm nhất.

– Bạn Lê ăn lâu hơn bạn Tú phút.

– Bạn Hà ăn nhanh hơn bạn Cúc phút.

e) – Có bạn ăn bữa trưa nhanh hơn 30 phút.

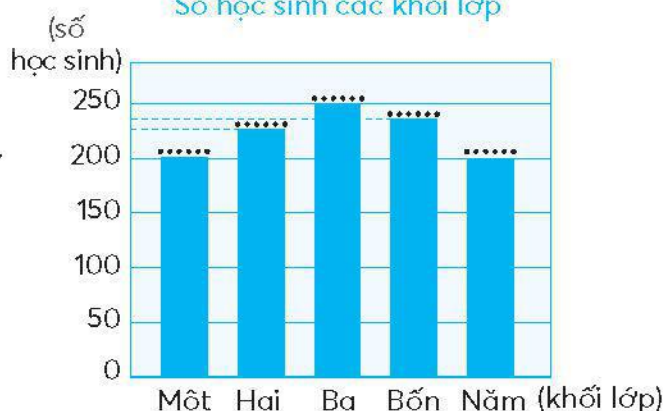
– Có bạn ăn bữa trưa lâu hơn 1 giờ.

2 Cho bảng thống kê số học sinh theo các khối lớp của một trường tiểu học.

Khối lớp	Một	Hai	Ba	Bốn	Năm
Số học sinh	200	224	250	238	200

Số học sinh các khối lớp

Biểu đồ cột ở hình bên thể hiện các số liệu trên.

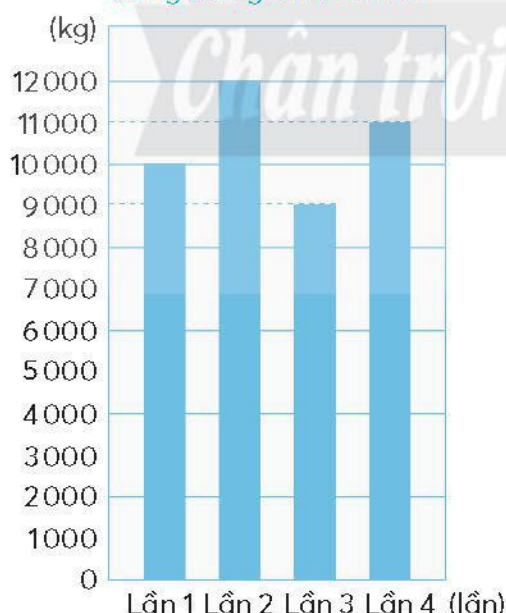


- a) Biểu đồ cột ở trên biểu diễn
- b) Điền vào chỗ chấm để hoàn thiện biểu đồ trên.
- c) Điền từ *nhiều hơn*, *ít hơn*, *bằng*, *nhiều nhất* hay *ít nhất* thích hợp vào chỗ chấm.
- Khối lớp Ba có số học sinh
 - Khối lớp Một và khối lớp Năm có số học sinh.....
 - Khối lớp Hai có số học sinh khối lớp Một.
 - Khối lớp Một có số học sinh khối lớp Ba.
 - Khối lớp Một có số học sinh khối lớp Năm.
- d) Viết tên các khối lớp theo thứ tự số học sinh từ ít đến nhiều.
-

1 Trong một đợt dịch bệnh, các tỉnh và thành phố trên cả nước đã hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho các gia đình gặp khó khăn.

Số liệu được cho trong biểu đồ sau.

Khối lượng gạo hỗ trợ tại một khu vực
trong tháng 8 năm 2021



Viết vào chỗ chấm.

- a) Trong tháng 8 năm 2021, khu vực này đã được hỗ trợ gạo lần.
- Lần 1: kg
 - Lần 2: kg
 - Lần 3: kg
 - Lần 4: kg

b) Khối lượng gạo hỗ trợ nhiều nhất là lần

c) Tổng khối lượng gạo hỗ trợ khu vực đó trong tháng 8 là:

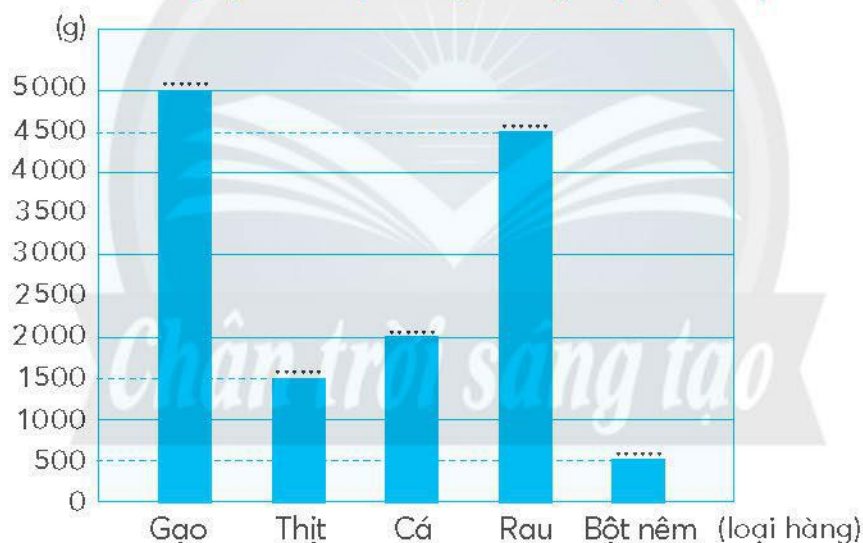
.....
d) Nếu mỗi phần quà hỗ trợ có 5 kg gạo thì tổng số gạo trên chia được thành phần quà.

2 Khối lượng các loại hàng trong một phần quà như sau:

Loại hàng	Gạo	Thịt	Cá	Rau	Bột nêm
Khối lượng	5 kg	1 kg 500 g	2 kg	4 kg 500 g	500 g

Người ta thể hiện các số liệu trong bảng trên bằng biểu đồ sau.

Khối lượng các loại hàng trong một phần quà



a) Điền vào chỗ chấm để hoàn thiện biểu đồ trên.

Viết vào chỗ chấm.

b) Loại hàng có khối lượng lớn nhất là

c) Đủ dùng hay không đủ dùng?

Nếu một gia đình, mỗi ngày sử dụng 500 g thịt hoặc cá thì lượng thịt, cá ở phần quà trong 1 tuần.

3 a) Hoàn thành bảng thống kê sau:

Các loại sách, báo, truyện học sinh lớp 4C thích đọc

Tên sách, báo, truyện	Kiểm đếm	Số bạn thích
Báo Nhi đồng		25
Sách khoa học		
Sách danh nhân		
Truyện cổ tích		
Truyện loài vật		

b) Quan sát biểu đồ cột sau.

Số học sinh thích đọc sách, báo, truyện

(số học sinh)



• Điền số thích hợp vào chỗ chấm chỉ số học sinh trên biểu đồ.
Viết vào chỗ chấm.

• Loại sách, báo, truyện mà học sinh lớp 4C thích đọc nhất là

.....



Thống kê loại phần thưởng mà mỗi bạn lớp em thích nhất:

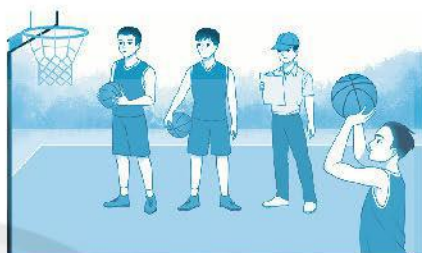
Sách truyện; dụng cụ học tập; dụng cụ thể thao.

Loại phần thưởng	Kiểm đếm	Số bạn
Sách truyện	...	...
Dụng cụ học tập	...	...
Dụng cụ thể thao	...	...

Huấn luyện viên kiểm tra kĩ năng ném bóng vào rổ của ba cầu thủ và ghi lại kết quả ở bảng sau.

Kết quả sau 100 lần ném bóng

Họ tên cầu thủ	Số lần ném bóng vào rổ
Đỗ Minh An	69
Vũ Thái	54
Trần Khoa	75



Điền vào rổ, không vào rổ hoặc số phù hợp vào chỗ chấm.

- Ở mỗi lần ném bóng, hai sự kiện có thể xảy ra là: bóng hoặc bóng

Sau khi ném bóng nhiều lần, ta kiểm đếm được số lần lặp lại của sự kiện bóng vào rổ.

- Ví dụ: Kiểm tra kĩ năng ném bóng vào rổ của cầu thủ Đỗ Minh An.

Số lần thực hiện: lần.

Sự kiện bóng vào rổ xảy ra: lần.

1 Mỗi bạn lấy được bao nhiêu lần viên bi màu đỏ?

a) Nhóm hai bạn thực hành.

- Trong túi có 2 viên bi, một viên màu xanh và một viên màu đỏ.
- Không nhìn vào túi, các bạn thay nhau mỗi lần lấy một viên bi, xem màu rồi đặt lại viên bi vào túi.
- Nếu viên bi vừa lấy là màu đỏ thì vẽ 1 vạch.
- Mỗi bạn thực hiện 10 lần.

b) Lập bảng thống kê số lần lấy được viên bi màu đỏ của học sinh cả lớp.

Số lần lấy được viên bi màu đỏ	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...

Lấy được viên bi màu đỏ lần có nhiều học sinh nhất.

1 Một ô tô đi trên đường, đến ngã tư có tín hiệu đèn giao thông.

a) Khi đến ngã tư đó, tín hiệu đèn giao thông có thể là màu:

.....

b) Điền *có thể*, *chắc chắn* hay *không thể* vào chỗ chấm.

- Ô tô đi khi tín hiệu màu đỏ.
- Ô tô được đi khi tín hiệu màu xanh.
- Ô tô được đi khi tín hiệu màu vàng.

2 Kiểm tra kĩ năng ném bóng vào rổ của một nhóm học sinh và ghi lại kết quả ở bảng dưới đây.

Học sinh	Số lần ném bóng vào rổ
Lê Thị Thuý	
Trần Ngọc Hà	
Lê Phước	
Vũ Dương	
Lê Bách	
Trần Hiếu	

a) Hãy nêu số lần ném bóng vào rổ của mỗi bạn.

Bạn ném bóng vào rổ nhiều nhất là:

Bạn ném bóng vào rổ ít nhất là:

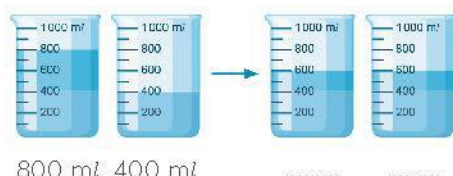
b) Học sinh có 4 lần ném bóng vào rổ trở lên thì đạt yêu cầu.

Số học sinh ném bóng đạt yêu cầu là bạn.

Ví dụ 1: Đọc ví dụ 1 trong SGK, quan sát hình ảnh, viết vào chỗ chấm.

Rót vào bình thứ nhất ml nước, rót vào bình thứ hai
..... ml nước.

Nếu lượng nước đó được rót đều
vào hai bình thì mỗi bình có bao
nhiêu mi-li-lít nước?



Ta gọi số 600 là *số trung bình cộng* của hai số 800 và 400.

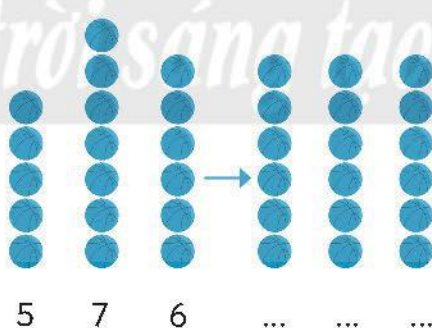
Ta nói: Bình thứ nhất có ml, bình thứ hai có ml,
trung bình mỗi bình có ml.

Ví dụ 2: Tuần trước, Thu thực hiện ba bài kiểm tra ném bóng
vào rổ. Kết quả các bài kiểm tra cho trong bảng sau:

Ngày kiểm tra	Thứ Ba	Thứ Năm	Thứ Bảy
Ném vào rổ	5 (quả)	7 (quả)	6 (quả)

Hỏi trung bình mỗi ngày Thu ném vào rổ bao nhiêu quả?

Viết vào chỗ chấm.



Tính số trung bình cộng của 5; 7 và 6:

$$(5 + 7 + 6) : 3 = 6$$

Muốn tìm số trung bình cộng của nhiều số, ta lấy tổng các số đó
chia cho số các số hạng.

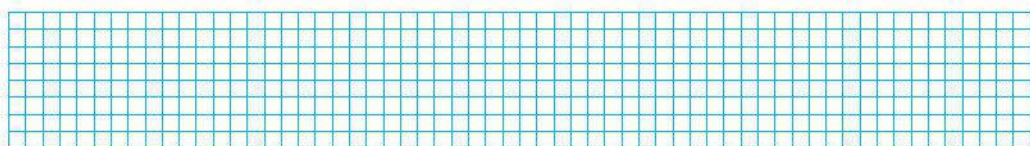
- 1 Tìm số trung bình cộng của các số (theo mẫu).

Mẫu: 9; 18; 14 và 23

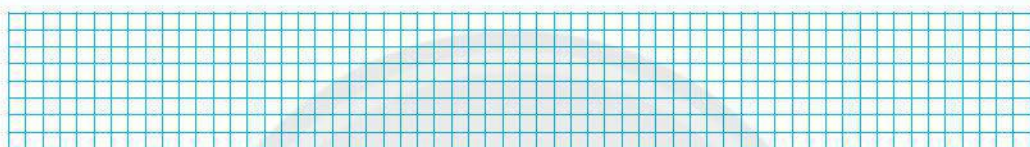
$$(9 + 18 + 14 + 23) : 4 = 16$$

a) 9 và 11

b) 124; 152 và 144



c) 71; 28; 29 và 72



- 2 Quan sát biểu đồ bên.

Số?

a)

Con thỏ của Tổ 1 cân nặng g.

Con thỏ của Tổ 2 cân nặng g.

Con thỏ của Tổ 3 cân nặng g.

Con thỏ của Tổ 4 cân nặng g.

b) Trung bình mỗi con thỏ cân nặng

..... g.

Khối lượng con thỏ mỗi tổ nuôi



c) Điền *nặng hơn* hay *nhẹ hơn* và số thích hợp vào chỗ chấm.

So với khối lượng trung bình của bốn con, mỗi con thỏ của các tổ nặng hơn hay nhẹ hơn bao nhiêu gam?

– Con thỏ của Tổ 1 là g.

– Con thỏ của Tổ 2 là g.

– Con thỏ của Tổ 3 là g.

– Con thỏ của Tổ 4 là g.

1 Tìm số trung bình cộng của các số.

- a) 815 và 729 b) 241; 135 và 215

- c) 140; 210; 160 và 290



2 Viết vào chỗ chấm.

Biểu đồ sau thể hiện chiều cao của bạn Hương được đo vào đầu mỗi năm học.

- a) Có hay không?

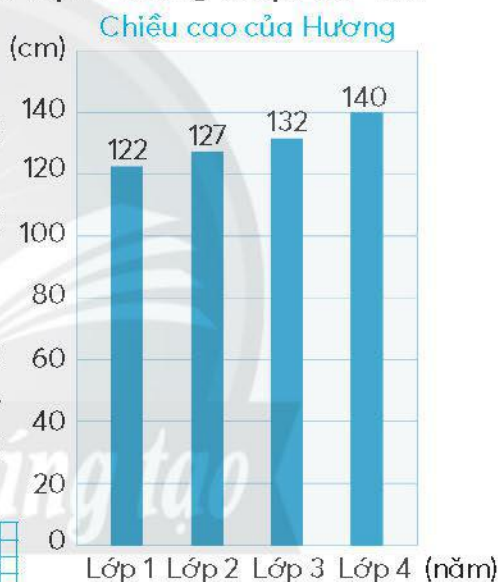
Sau mỗi năm, chiều cao của Hương tăng.

- b) Dãy số liệu về chiều cao của Hương theo thứ tự từng năm:

..... cm; cm; cm; cm.

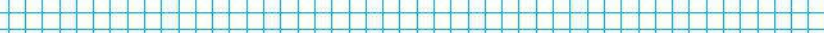
- c) Sau mỗi năm, chiều cao của Hương tăng lần lượt là: cm; cm; cm.

- d) Trung bình mỗi năm chiều cao của Hương tăng:

[illegible]

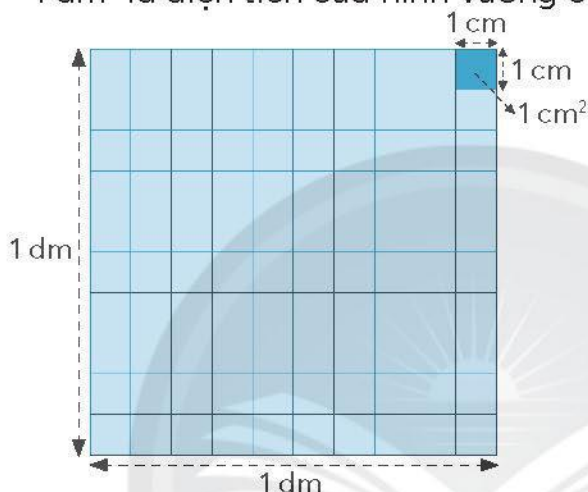
3 Ngày Chủ nhật xanh, trường em tham gia vệ sinh môi trường. Khối lớp Bốn thu gom vỏ hộp để tái chế. Các lớp 4A, 4B, 4C và 4D lần lượt thu được 238, 252, 241 và 289 vỏ hộp. Hỏi trung bình mỗi lớp thu được bao nhiêu vỏ hộp?

Bàì qǐǎi



Viết vào chỗ chấm.

- Đề-xi-mét vuông là một đơn vị đo
- Đề-xi-mét vuông viết tắt là
- 1 dm^2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1



$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$$

$$100 \text{ cm}^2 = 1 \text{ dm}^2$$

1

- Vẽ một hình vuông cạnh dài 1 dm trên giấy kẻ ô vuông, cắt hình vuông vừa vẽ để được miếng giấy có diện tích 1 dm^2 .
- Ước lượng diện tích một số đồ vật theo đề-xi-mét vuông rồi dùng mảnh giấy trên để đo diện tích các đồ vật.

Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Diện tích	Ước lượng	Đo
Bìa sách Toán 4	khoảng dm^2	 dm^2
Mặt bàn học sinh	khoảng dm^2	 dm^2

1

Số?

a) $4 \text{ dm}^2 = \text{..... cm}^2$

$7 \text{ dm}^2 = \text{..... cm}^2$

$12 \text{ dm}^2 = \text{..... cm}^2$

b) $200 \text{ cm}^2 = \text{..... dm}^2$

$900 \text{ cm}^2 = \text{..... dm}^2$

$1000 \text{ cm}^2 = \text{..... dm}^2$

- c) Mẫu: $3 \text{ dm}^2 \ 50 \text{ cm}^2 = 350 \text{ cm}^2$
 $14 \text{ dm}^2 \ 70 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$
 $8 \text{ dm}^2 \ 6 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

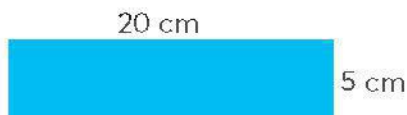
$3 \text{ dm}^2 = 300 \text{ cm}^2$
 $300 \text{ cm}^2 + 50 \text{ cm}^2 = 350 \text{ cm}^2$



- 2 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.



Hình vuông A



Hình chữ nhật B

- a) Hình A và hình B có diện tích bằng nhau.
b) Hình A và hình B có chu vi bằng nhau.
c) Tổng diện tích hai hình là 101 dm^2 .

☐
☐
☐

- 3 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Hình bên là mặt bàn hình chữ nhật.

Diện tích mặt bàn là:



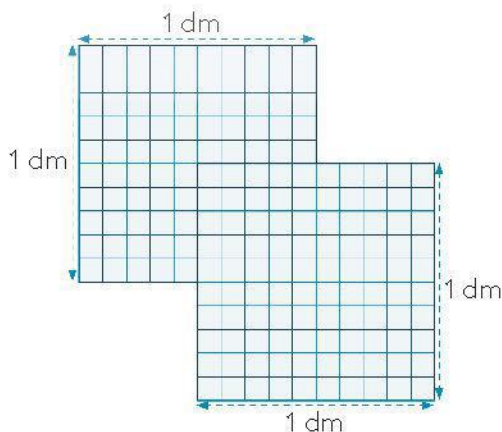
- A. 480 cm^2 B. 480 dm^2 C. 48 cm^2 D. 48 dm^2



Số?

Hai miếng giấy kẻ ô vuông cạnh 1 dm được xếp như hình bên tạo thành hình M.

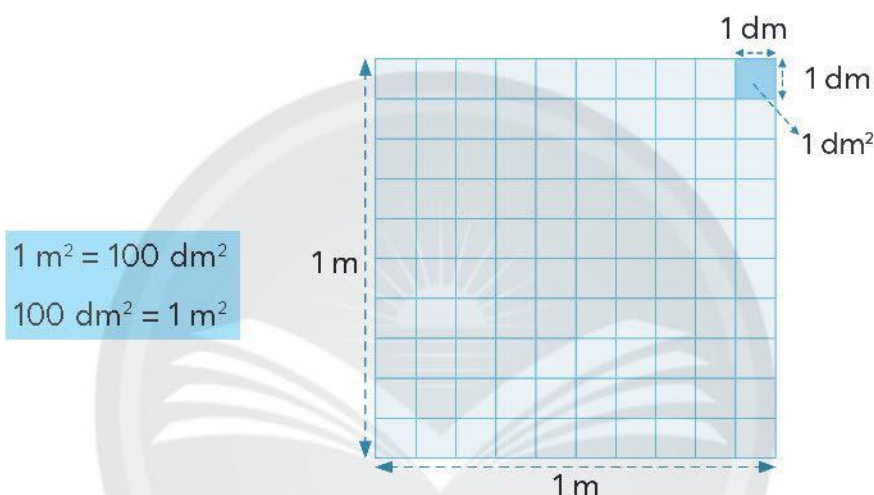
- Chu vi của hình M là $\dots\dots\dots \text{ cm}$.
- Diện tích của hình M là $\dots\dots\dots \text{ cm}^2$.



Hình M

Viết vào chỗ chấm.

- Mét vuông là một đơn vị đo
- Mét vuông viết tắt là
- 1 m^2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1



Số?

1

Thực hành theo nhóm.

a) Ước lượng diện tích:

- Bảng lớp khoảng: m².
- Cửa sổ khoảng: m².
- Cửa ra vào khoảng: m².

b) Giáo viên vẽ một hình vuông cạnh dài 1 m. Nếu sàn phòng học có lát gạch vuông, thì 1 m^2 khoảng viên gạch đó.

c) Xếp các cuốn sách Toán 4 sát nhau che hình vuông vừa vẽ. Khoảng cuốn sách thì che gần kín hình vuông.

Sử dụng hình ảnh hình vuông cạnh dài 1 m ở phần Cùng học để thực hiện bài **2** và **3**.

2 a) Kết quả đếm theo đề-xi-mét vuông.

$$1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$100 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

b) Số?

$$4 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$700 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$15 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$$

$$2000 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

3 a) Kết quả đếm theo xăng-ti-mét vuông.

$$1 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$10\,000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

b) Số?

$$2 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$50\,000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

$$7 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$$

$$100\,000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$$

1 Số?

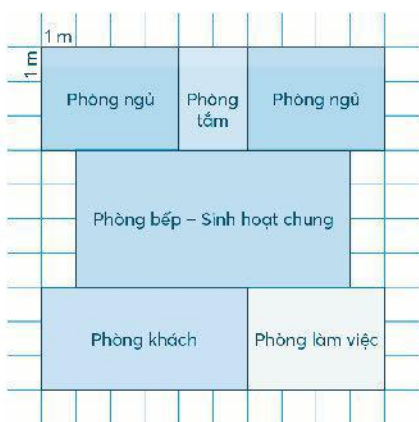
a) $6 \text{ m}^2\,76 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

b) $3 \text{ dm}^2\,15 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

c) $3 \text{ m}^2\,2 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

d) $8 \text{ m}^2\,4 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

2 Ông ngoại của bạn Huy chuẩn bị xây nhà, ông nói Huy vẽ cách sắp xếp các phòng trên giấy kẻ ô vuông. Quan sát bản vẽ dưới đây của Huy rồi viết vào chỗ chấm.



a) Phòng có diện tích lớn nhất.

Phòng có diện tích bé nhất.

b) Diện tích mỗi phòng ngủ là m^2 .

c) Tổng diện tích tất cả các phòng là m^2 .

1

a) Đọc các số:

38 504; 2 021; 100 000.

b) Viết các số:

Bốn mươi nghìn không trăm linh bảy:

Ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm:

c) Số chẵn hay số lẻ?

Số 20 687 là

d) Viết số 96 034 thành tổng theo các hàng:

96 034 =

2

Đặt tính rồi tính

a) $9\,251 + 24\,078$

b) $17\,262 - 5\,637$

c) $8\,316 \times 4$

d) $2\,745 : 9$

3 Quan sát giá tiền bút và vở ở hình dưới.

a) Khoanh vào chữ cái trước các biểu thức thể hiện cách tính tiền 6 cái bút và 6 quyển vở.



A $2500 \times 6 + 4500 \times 6$

B $2500 \times 6 + 4500$

C $2500 + 4500 \times 6$

D $(2\,500 + 4\,500) \times 6$

b) Tính giá trị của một biểu thức mà em đã chọn.

c) Nếu em mang theo 50 000 đồng để mua sổ bút và vở trên thì tiền còn thừa có đủ mua thêm 1 quyển vở không?

4 m^2 , dm^2 hay cm^2 ?

a) Diện tích một chiếc nhãn vở: 15

b) Diện tích một căn phòng: 15

c) Diện tích một ô cửa sổ trong nhà tắm: 15

5 Đọc bài toán trong SGK rồi giải.

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

6 Quan sát biểu đồ và đọc thông tin trong SGK.

a) Viết *tăng* hay *giảm* thích hợp vào chỗ chấm.

Từ thứ Năm đến Chủ nhật, lượng thực phẩm dư thừa

b) Viết dãy số liệu về khối lượng thực phẩm dư thừa ở từng ngày theo thứ tự từ ít đến nhiều.

[illegible]

c) Trong bốn ngày cuối tuần, trung bình mỗi ngày khách đã lãng phí bao nhiêu ki-lô-gam thực phẩm?

7 SỐ?

Một gia đình có 5 người, trung bình mỗi người sử dụng 120 l nước/ngày.

Gia đình đó đã áp dụng một số biện pháp tiết kiệm nên trung bình mỗi người sử dụng 105 l nước/ngày.

Như vậy, trong 7 ngày, gia đình đó đã tiết kiệm được l nước.



hoạt động thực tế Trao đổi với người thân: Hằng ngày, ở gia đình em, những chi tiêu có thể tiết kiệm được là:



TÍNH DIỆN TÍCH BÀN HỌC VÀ PHÒNG HỌC

1. Tính diện tích mặt bàn học của em theo đơn vị đề-xi-mét vuông

a) Thảo luận.

Viết vào chỗ chấm.

- Mặt bàn học có dạng hình
- Để tính diện tích mặt bàn cần biết các số đo sau:
.....

Đánh dấu (x) vào nhiệm vụ của em.

- Đo cạnh dài của mặt bàn theo đơn vị xăng-ti-mét. ☐
- Đo cạnh ngắn của mặt bàn theo đơn vị xăng-ti-mét. ☐
- Làm tròn số đo đến hàng chục. ☐
- Chuyển đổi số đo (đã làm tròn thành số tròn chục)
từ đơn vị xăng-ti-mét sang đơn vị đề-xi-mét. ☐
- Tính diện tích mặt bàn theo đơn vị đề-xi-mét vuông. ☐
- Chuẩn bị các nội dung sẽ trình bày trước lớp. ☐

b) Thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Số?

- Đo:
Cạnh dài: cm; Cạnh ngắn: cm.
- Làm tròn số đến hàng chục:
Cạnh dài: cm; Cạnh ngắn: cm.

– Đổi sang đề-xi-mét:

Cạnh dài: dm;

Cạnh ngắn: dm.

– Diện tích mặt bàn: dm^2 .

c) Nội dung trình bày trước lớp.

2. Tính diện tích sàn phòng học theo đơn vị mét vuông.

Viết vào chỗ chấm.

a) Thảo luận.

– Nhiệm vụ của em:

b) Thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Em ghi nhận kết quả.

c) Nội dung trình bày trước lớp.

2. SỐ TỰ NHIÊN



CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ HÀNG VÀ LỚP

Viết vào chỗ chấm.



Số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
112738						

Viết số:

Đọc số: Một trăm mười hai nghìn bảy trăm ba mươi tám.

Viết số thành tổng theo các hàng:

112738 = + + + + +

Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm tạo thành lớp

Hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn tạo thành lớp

1 Viết số lượng thẻ mỗi loại để thể hiện số (theo mẫu).

	100 000	10 000	1 000	100	10	1
241709	2	4	1	7	0	9
500 000						
273 000						
361862						

2 Viết và đọc các số tròn trăm nghìn từ 100 000 đến 900 000.

.....;;;;
.....;;;

3 Thực hiện theo mẫu.

Đọc số	Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
Ba trăm tám mươi một nghìn hai trăm chín mươi lăm	381295	3	8	1	2	9	5
Bảy trăm linh tám nghìn bốn trăm hai mươi							
.....	90 806						

4 Quan sát hình ảnh trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

- a) Có đồng. b) Có đồng.

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm rồi đọc các số.

- a) 699 991; 699 992; 699 993;;; 699 996.
b) 700 007; 700 008; 700 009;;; 700 012.

2 Số?

- a) Số gồm 7 trăm nghìn, 5 nghìn và 3 đơn vị là số
b) Số gồm 5 trăm nghìn, 6 trăm và 2 đơn vị là số
c) Số gồm 3 chục nghìn, 4 nghìn và 6 chục là số
d) Số gồm 2 trăm nghìn và 5 đơn vị là số

3 Số?

Mẫu: Lớp nghìn của số 401950 gồm các chữ số: 4; 0; 1.

- a) Lớp nghìn của số 786 400 gồm các chữ số:;;
b) Lớp đơn vị của số 45 830 gồm các chữ số:;;
c) Lớp nghìn của số 64 019 gồm các chữ số:;;
d) Lớp đơn vị của số 8 173 gồm các chữ số:;;

4 Viết các số thành tổng theo các hàng.

a) $871\,634 = \dots\dots\dots$

b) $240\,907 = \dots\dots\dots$

c) $505\,050 = \dots\dots\dots$

5 Số?

a) 
148 220 148 222 148 224 148 232

b) 
323 401 323 403 323 409 323 413

c) 
540 000 550 000 560 000 600 000

d) 
300 000 400 000 500 000 800 000

6 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

a) Số ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn viết là 352 384. ☐

b) $800\,000 + 600 + 9 = 869\,000$. ☐

c) Các số 127 601; 230 197; 555 000; 333 333 đều là số lẻ. ☐

d) 330 000; 336 000; 339 000; 342 000 là các số tròn nghìn. ☐



Đọc nội dung trong SGK rồi viết số vào chỗ chấm.

Tại Úc, mỗi trái dừa sáp có giá khoảng 573 000 đồng.

Làm tròn số đến hàng chục nghìn, ta nói giá tiền mỗi trái dừa sáp là gần đồng.

Viết vào chỗ chấm.

10 trăm nghìn = ... triệu

10 triệu = ... chục triệu

10 chục triệu = ... trăm triệu

Lớp triệu gồm các hàng :

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
4 656 700									

Viết số:

Đọc số: Bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm.

Viết số thành tổng theo các hàng:

4 656 700 = + + + +

1 Viết rồi đọc số.

a) Các số tròn triệu từ 1 000 000 đến 9 000 000.

.....

b) Các số tròn chục triệu từ 10 000 000 đến 90 000 000.

.....

c) Các số tròn trăm triệu từ 100 000 000 đến 900 000 000.

.....

2 Thực hiện theo mẫu trong SGK.

a) 512 075 243 đọc là:

68 000 742 đọc là:

4203 090 đọc là:

b) Viết các số sau.

• Sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm:

• Năm mươi triệu không nghìn một trăm linh hai:

• Bốn trăm ba mươi triệu không trăm linh tám nghìn:

1 Đọc các số sau.

a) 5 000 000 b) 30 018 165 c) 102 801 602

2 Viết các số sau.

a) Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn:

b) Một trăm triệu không trăm linh năm nghìn một trăm:

c) Ba triệu không nghìn không trăm mười ba:

3 Viết số thành tổng theo các hàng.

a) 6841603 =

b) 28176901 =

c) 101010101 =

4 Đọc số liệu chỉ sản lượng cá đã xuất khẩu trong SGK.

a) Cá điêu hồng.

b) Cá tra.



Đọc nội dung trong SGK rồi viết số vào chỗ chấm.

Sản lượng các loại thủy sản kể trên là kg.

ĐỌC, VIẾT CÁC SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHẦN

Viết vào chỗ chấm.

Các số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; ...; 100; ...; 1000; ... là các số

• Viết số tự nhiên trong hệ thập phân

Dùng mười chữ số: ...; ...; ...; ...; ...; ...; ...; ... để viết các số tự nhiên. Ở mỗi hàng ta viết chữ số.

Cứ đơn vị ở một hàng lại hợp thành ... đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.

10 đơn vị = ... chục; 10 chục = ... trăm.

Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào của nó trong số đó.

Chẳng hạn: Trong số 96 208 984 các chữ số 9 từ trái sang phải lần lượt có giá trị là:;

• Đọc số tự nhiên

Đọc số theo các lớp, từ trái sang phải: Với mỗi lớp, ta đọc như đọc các số có một, hai hoặc ba chữ số rồi kèm theo

Để cho gọn, ta có thể không đọc tên lớp đơn vị.

Ví dụ: Số 96 208 984 đọc là:

1 Đọc các số sau.

- a) 430 b) 27 403 c) 151038 000 d) 3 000 009

2 Viết các số sau.

- a) Bốn trăm linh sáu nghìn hai trăm mười:
b) Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn chín trăm tám mươi mốt:
.....

c) Sáu trăm hai mươi lăm triệu không trăm linh ba nghìn ba trăm hai mươi:

3 Viết vào chỗ chấm.

a) Giá trị của chữ số 7 trong số 7365 là

b) Giá trị của chữ số 8 trong số 482 là

c) Giá trị của chữ số 0 trong số 6108952 là

d) Giá trị của chữ số 5 trong số 354073614 là

1 Viết số thành tổng theo các hàng.

a) $3308 =$

b) $76054 =$

c) $400061340 =$

2 Viết vào chỗ chấm.

Trong các số 123368008; 123805; 123

a) Số có lớp đơn vị gồm các chữ số 1; 2; 3 là:

b) Số có chữ số 8 ở hàng trăm là:

c) Số khi viết thành tổng theo các hàng thì có một số hạng là 3000000 là:

3 Số?

Trong buổi đồng diễn thể dục, tất cả học sinh lớp 4C xếp thành một hàng ngang. Từ trái sang phải hay từ phải sang trái, bạn Bích đều ở vị trí thứ 18 trong hàng.

Lớp 4C có học sinh.



Thực hiện theo các yêu cầu trong SGK.



Thực hiện theo các yêu cầu trong SGK.

Viết vào chỗ chấm.

• So sánh hai số tự nhiên

– Số có nhiều chữ số hơn thì số có ít chữ số hơn thì

Ví dụ: 54767200 4720700 4720700 54767200

– Nếu hai số tự nhiên có số chữ số bằng nhau thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một kể từ

Ví dụ: 4720700 4109500

– Nếu hai số đó có tất cả các cặp chữ số ở từng hàng đều bằng nhau thì hai số đó

Ta luôn so sánh được hai số tự nhiên, nghĩa là luôn xác định được số này lớn hơn, bé hơn hoặc bằng số kia.

• Sắp xếp các số tự nhiên

Có thể sắp xếp thứ tự các số tự nhiên từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.

Ví dụ: Sắp xếp các số 512785; 1060785; 514303; 9827

theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

1

>, <, =

a) $488 \dots 488\,000$

$212\,785 \dots 221\,785$

b) $1200\,485 \dots 845\,002$

$68\,509\,127 \dots 68\,541\,352$

c) $112\,433\,611 \dots 113\,432\,611$

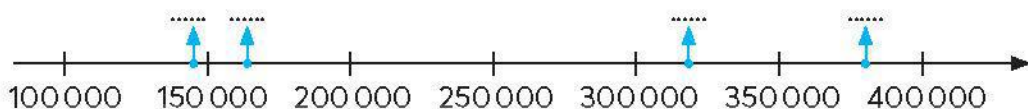
$1500\,000 \dots 1000\,000 + 5$

2 Cho các số: 164 318; 146 318; 318 164; 381 164.

a) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....;;;

b) Viết mỗi số ở câu a vào vị trí thích hợp trên tia số sau.



1 Viết một chữ số thích hợp vào mỗi chỗ chấm.

a) $417\,184\,213 > 4...7\,184\,213$

$88\,743\,441 < ...7\,640\,397$

b) $2\,860\,117 = 2...00\,000 + 60\,117$

$15\,000\,899 > 15\,000\,000 + ...00$

2 Đọc ví dụ trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

a) Làm tròn số 647 951 đến hàng trăm nghìn thì được số

b) Làm tròn số 1 253 840 đến hàng trăm nghìn thì được số

3 Quan sát biểu đồ trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

a) Dân số của tỉnh Điện Biên là người.

Dân số của tỉnh Lai Châu là người.

Dân số của tỉnh Sơn La là người.

Dân số của tỉnh Hoà Bình là người.

b) Sắp xếp dân số của bốn tỉnh theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....;;;

c) Làm tròn dân số của tỉnh Hoà Bình đến hàng trăm nghìn thì được số



Đọc nội dung trong SGK và thực hiện theo yêu cầu.

Viết vào chỗ chấm.

• Dãy số tự nhiên

Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành

.....
0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; ...

Trong dãy số tự nhiên:

– Thêm 1 vào một số, ta được số tự nhiên số đó.

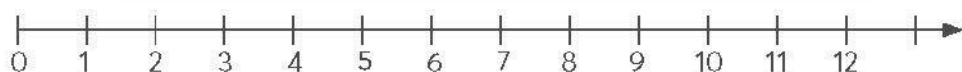
Không có số tự nhiên lớn nhất, dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.

– Bớt 1 ở một số (khác số 0), ta được số tự nhiên số đó.

Không có số tự nhiên liền trước số ..., số 0 là số tự nhiên

Hai số tự nhiên liên tiếp nhau thì hơn hoặc kém nhau ... đơn vị.

• Có thể biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số



Mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số. Số 0 ứng với điểm gốc của tia số.

Với hai số tự nhiên trên tia số, số gần gốc 0 hơn là số; số xa gốc 0 hơn là số

1

Viết vào chỗ chấm.

Bạn A viết một số không quá tám chữ số:

Bạn B viết số liền trước của số bạn A viết:

Bạn C viết số liền sau của số bạn A viết:

Sắp xếp các số trên để được ba số tự nhiên liên tiếp:

.....;;

1

Số?

a) Số liền sau của số 100 là

Số liền sau của số 99 999 999 là

b) Số liền trước của số 9 là

Số liền trước của số 1 000 000 là

c) Nếu biểu diễn các số 100; 99 999 999; 9; 1 000 000 trên tia số thì số gần gốc 0 nhất là

số xa gốc 0 nhất là

2

Viết ba số tiếp theo của mỗi dãy số dưới đây.

a) 994; 995; 996; 997; 998;;;

b) 0; 2; 4; 6; 8;;;

c) 1; 3; 5; 7; 9;;;

d) 3; 8; 13; 18; 23;;;



Viết ba số tiếp theo của dãy số sau.

1; 1; 2; 3; 5; 8; 13;;;

1 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Số 380 105 690 đọc là:

- A. Ba mươi tám triệu một trăm linh năm nghìn sáu trăm chín mươi.
- B. Ba trăm tám mươi triệu một trăm năm nghìn sáu trăm chín mươi.
- C. Ba trăm tám mươi triệu một trăm linh năm nghìn sáu trăm chín mươi.
- D. Ba tám không một không năm sáu chín không.

b) Chữ số 8 trong số 380 105 có giá trị là:

- A. 800 B. 8 000 C. 80 000 D. 8 000 000

c) Làm tròn số 380 690 đến hàng trăm nghìn thì được số:

- A. 380 700 B. 400 000 C. 380 000 D. 200 000

2 Viết số thành tổng theo các hàng.

7180 =

5 071 807 =

3 Mỗi số dưới đây có thể thuộc những dãy số nào?

Hãy nối mỗi số với những dãy số thích hợp.

325

5 084

1724 610

0; 1; 2; 3; 4; ...

0; 2; 4; 6; 8; ...

0; 5; 10; 15; 20; ...

4 Sắp xếp các số 7 659; 985; 2 007 659; 7 660 theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....;;;

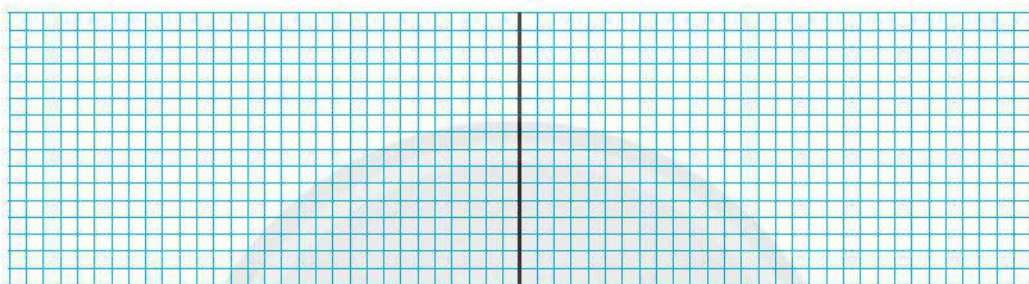
- 5 Quan sát hình ảnh trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

Mặt hàng có giá cao nhất là

Mặt hàng có giá thấp nhất là

- 6 Chị Hai mua 3 kg cam hết 75 000 đồng. Hỏi mẹ mua 2 kg cam cùng loại và 1 kg quýt giá 45 000 đồng thì hết bao nhiêu tiền?

Bài giải



- 7 Có thể, chắc chắn hay không thể?

Trong hộp có ba thẻ số: 492735 3600152 62830 .

Không nhìn vào hộp, lấy ra một thẻ.

a) lấy được thẻ ghi số tự nhiên.

b) lấy được thẻ ghi số lẻ.

c) lấy được thẻ ghi số lớn hơn 4 000 000.

- 8 Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

a) Bạn A: (... lần); Bạn B: (... lần); Bạn C: (... lần).

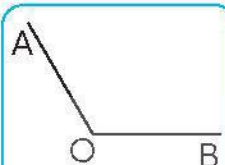
b) Lập bảng thống kê số lần lấy được thẻ có một chấm tròn (cả lớp).

Số lần	0	1	2	3	4	5
Số học sinh						

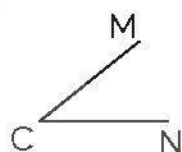
Có học sinh lấy được tấm thẻ có một chấm tròn 4 hoặc 5 lần.

Viết vào chỗ chấm.

• Góc



Góc đỉnh O;
cạnh OA, OB.



Góc đỉnh;
cạnh,



Góc đỉnh;
cạnh,



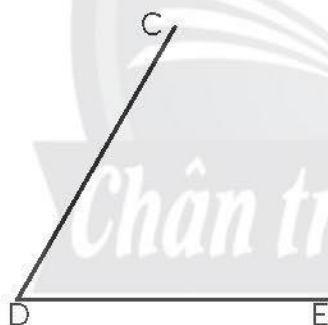
Góc đỉnh;
cạnh,

• Đơn vị đo góc

Để đo góc, ta thường dùng đơn vị (kí hiệu là $^{\circ}$).

• Đo góc bằng thước đo góc

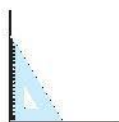
Đọc hướng dẫn trong SGK rồi đo góc dưới đây.



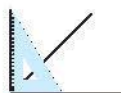
Góc đỉnh; cạnh,
có số đo là

• Góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt

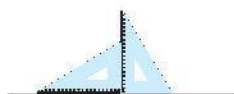
Góc có số đo bằng



Góc có số đo bé hơn



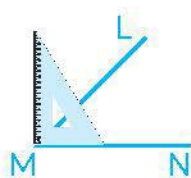
Góc ... có số đo lớn hơn



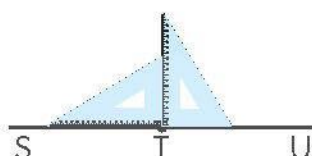
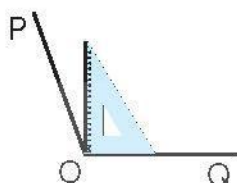
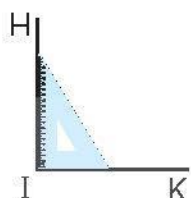
Góc có số đo bằng

1 Nói theo mẫu.

Mẫu:



Góc nhọn đỉnh M; cạnh MN, ML
có số đo bé hơn 90° .



2 Viết vào chỗ chấm: *vuông, nhọn, tù, bẹt* rồi thực hiện theo hình vẽ.



Góc



Góc



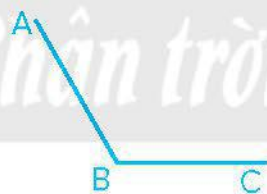
Góc



Góc

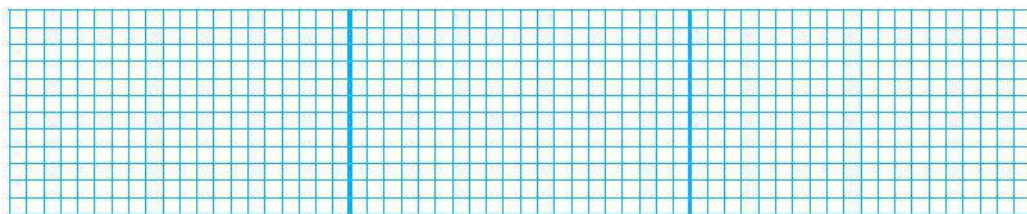
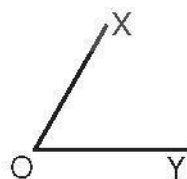
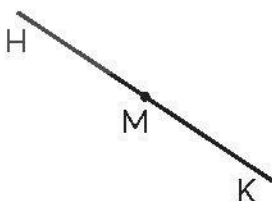
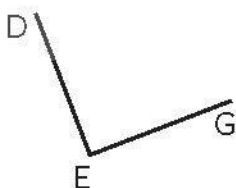
3 Đo các góc dưới đây rồi viết theo mẫu.

Mẫu:

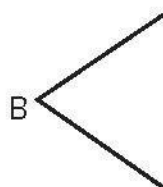
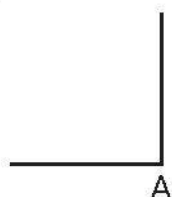


Góc đỉnh B có số đo bằng 120° .

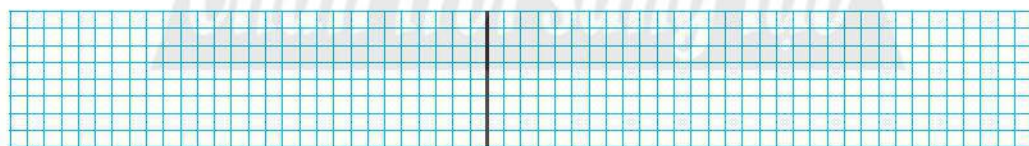
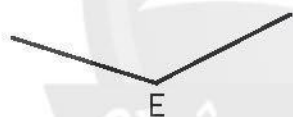
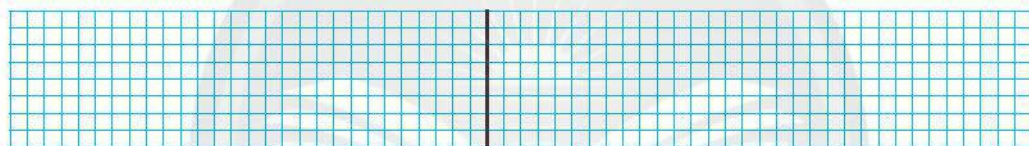
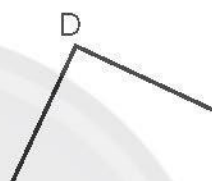
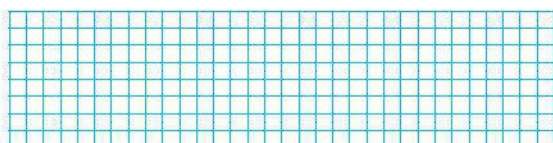
Góc đỉnh B là góc tù.



- 1 Trong các góc dưới đây, góc nào là góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt?



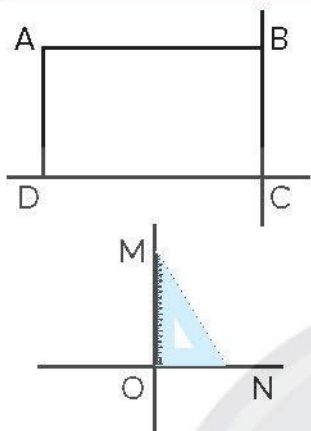
Góc đỉnh là góc



Tìm hình ảnh góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt ở mỗi chân của chim sếu.



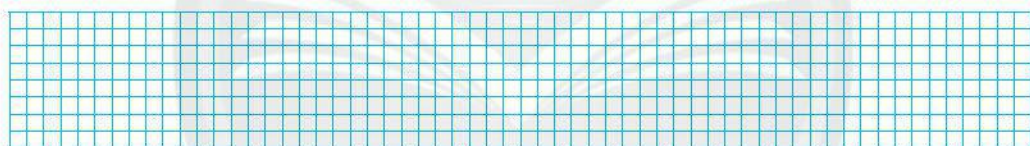
Viết vào chỗ chấm.



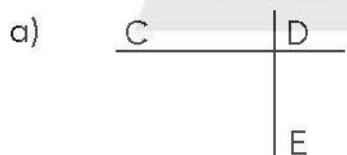
• Kéo dài hai cạnh BC và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng

• Hai đường thẳng OM và ON vuông góc với nhau. Có góc đỉnh O là góc vuông.

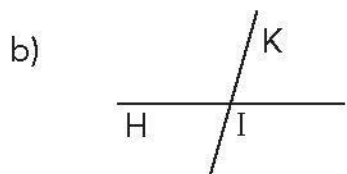
- 1** Nêu tên từng cặp cạnh vuông góc với nhau trong hình chữ nhật ABCD.



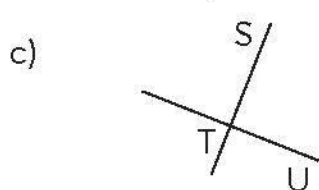
- 2** Dùng ê-ke để kiểm tra hai đường thẳng vuông góc rồi viết vào chỗ chấm.



Hai đường thẳng CD và DE



Hai đường thẳng và



Hai đường thẳng và

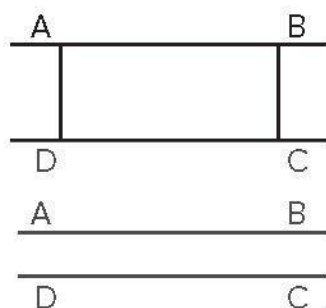
- 3** Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm M và vuông góc với đường thẳng AB (theo hướng dẫn trong SGK).



- 1** Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm M và vuông góc với đường thẳng AB.



Viết vào chỗ chấm.



• Kéo dài hai cạnh AB và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng

• và là hai đường thẳng song song với nhau.

Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau.

1 Viết vào chỗ chấm.

Các cặp cạnh song song với nhau trong hình chữ nhật ABCD là:

..... và; và



2 Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm M và song song với đường thẳng AB (theo hướng dẫn trong SGK).

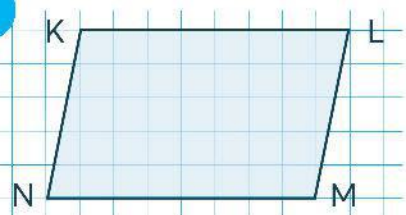
M •



Nhận xét: Hai đường thẳng AB và CD cùng
với đường thẳng

Viết vào chỗ chấm.

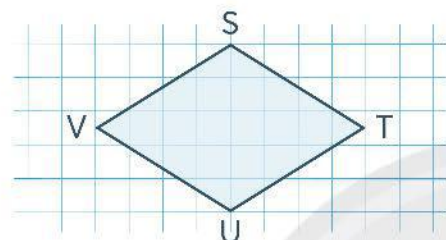
1



Hình A

Cạnh song song với cạnh

Cạnh song song với cạnh

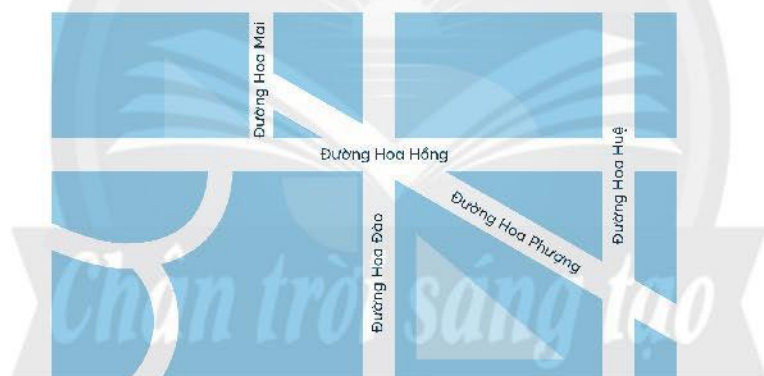


Hình B

Cạnh song song với cạnh

Cạnh song song với cạnh

2

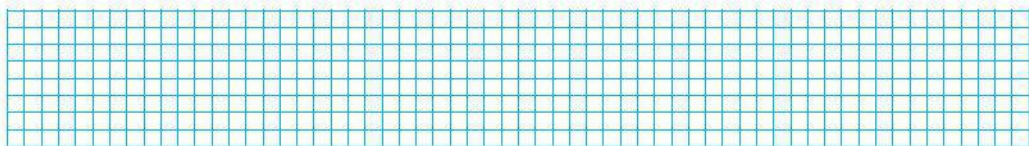


a) Đường vuông góc với đường

b) Đường song song với đường



Hãy nêu hình ảnh về hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song với nhau trong thực tế.



1 Hai kim đồng hồ tạo thành góc bao nhiêu độ?

Ghi số đo góc dưới mỗi đồng hồ.



A



B



C

2 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

- a) Góc 90° là góc vuông.
- b) Góc nhọn bé hơn góc vuông.
- c) Góc tù bé hơn góc bẹt.
- d) Góc bẹt là góc vuông.

☐

☐

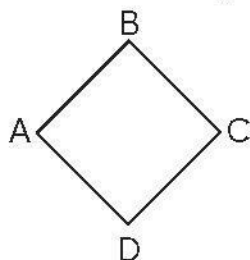
☐

☐

3 Nối mỗi câu sau với tên góc được tạo thành từ hai kim đồng hồ.

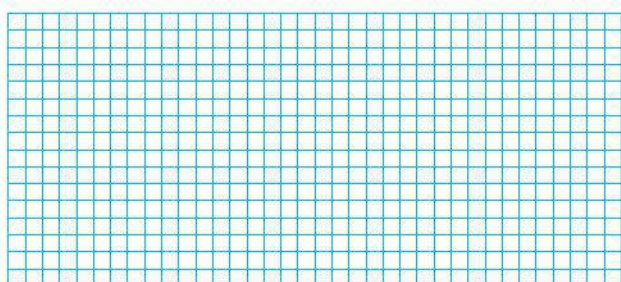
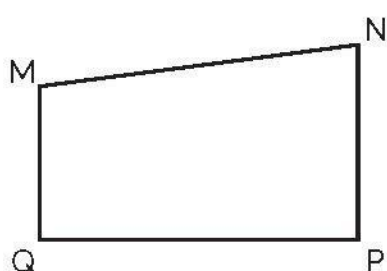
- | | | |
|-----------------------------------|---|-------------|
| a) Đồng hồ chỉ 9 giờ. | ● | ● Góc nhọn |
| b) Đồng hồ chỉ 18 giờ. | ● | ● Góc vuông |
| c) Đồng hồ chỉ 5 giờ kém 15 phút. | ● | ● Góc tù |
| d) Đồng hồ chỉ 11 giờ 5 phút. | ● | ● Góc bẹt |

4 Viết các cặp cạnh vuông góc, các cặp cạnh song song trong mỗi hình dưới đây.



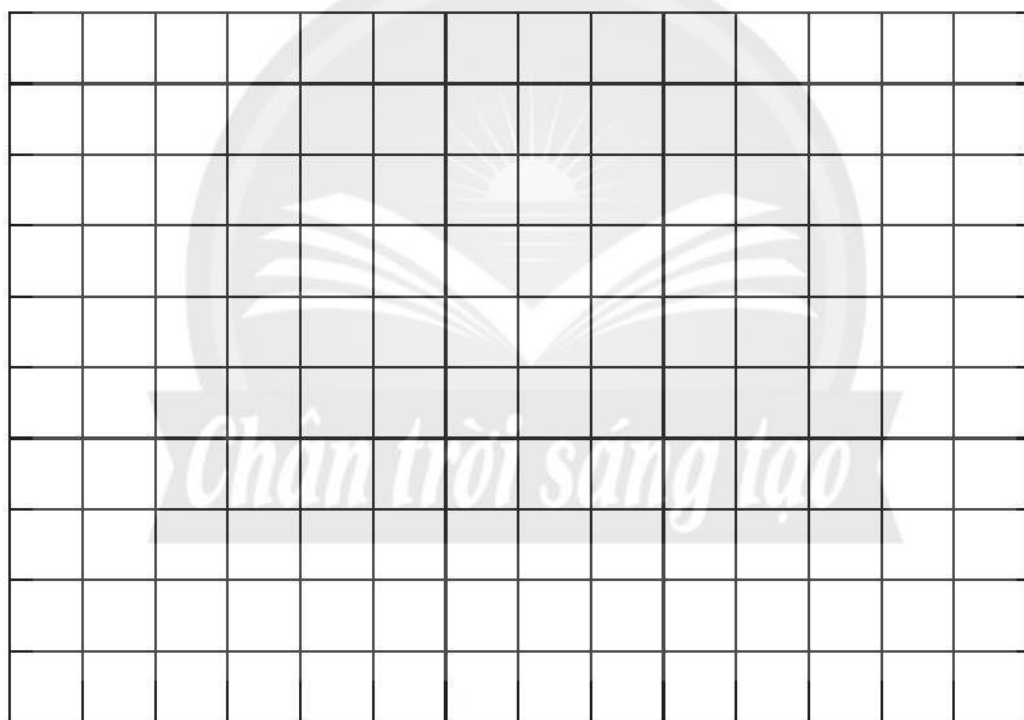
Các cặp cạnh vuông góc là:

Các cặp cạnh song song là:



Tìm trong thực tế hình ảnh các loại góc đã học và hình ảnh hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.

5 Vẽ trang trí theo hướng dẫn trong SGK.



Xem hình ảnh các trụ điện gió trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.

Hai cánh quạt của trụ điện gió tạo thành góc bao nhiêu độ?

- Quan sát bằng mắt:
- Đo bằng thước đo góc:

Viết vào chỗ chấm.

Kim giây mỗi đồng hồ sau chỉ bao nhiêu giây?



..... giây



..... giây



..... giây



..... giây

1 phút = giây

60 giây = phút

1 Vỗ tay theo sự di chuyển của kim giây trên đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm.



Kim giây nhích một vạch, các em vỗ tay một cái để cảm nhận khoảng thời gian 1 giây.



Kim giây nhích 1 vạch, vỗ tay 1 cái (1 giây).

Kim giây nhích 2 vạch, vỗ tay cái (..... giây).

Kim giây nhích 10 vạch, vỗ tay cái (..... giây).

2 Đoán xem bao nhiêu giây?

Một nhóm bạn hát một vài câu. Cả lớp không nhìn đồng hồ, đoán xem các bạn đã hát trong bao nhiêu giây.

Mẹ của em ở trường ...



1 Số?

a) 2 giờ = phút

5 giờ = phút

b) 2 giờ 30 phút = phút

8 giờ 15 phút = phút

1 phút = giây

3 phút = giây

5 phút 5 giây = giây

7 phút 45 giây = giây

2 Đúng ghi đ, sai ghi s.

a) 6 phút 12 giây = 612 giây. ☐

b) Sơn và Trang vệ sinh mũi, họng bằng nước muối. Sơn thực hiện trong 3 phút, Trang thực hiện trong 180 giây. Thời gian vệ sinh mũi, họng của hai bạn dài bằng nhau. ☐

3 Điền giờ, phút hay giây thích hợp vào chỗ chấm.



a) Mỗi ngày anh Hai làm việc ở văn phòng 8



b) Hai chị em đứng chờ 10 nữa.



c) Tí xem một tập phim thiếu nhi trong 15

4 Số?

Máy đếm nhịp giúp người tập đàn dương cầm (pi-a-nô) giữ nhịp tốt. Nếu mỗi giây máy đếm được 3 nhịp thì có nhịp trong 1 phút.



Với mỗi câu dưới đây, em có 5 giây để trả lời.

a) Nêu tên 3 con vật nuôi.

b) Nêu tên 3 loại cây được trồng ở trường em.

c) Nêu tên 3 nghề trong xã hội.



Đọc nội dung trong SGK rồi điền *giờ, phút, giây* thích hợp vào chỗ chấm.

Màn trình diễn chống đầu leo 100 bậc thang trong vòng 53, tức là chưa tới 1 phút.



Số?

Đọc nội dung trong SGK rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm. Thời gian mỗi nhịp đập của tim khoảng giây.

Viết vào chỗ chấm.

1 thế kỉ = năm

Từ năm 1 đến năm 100 là thế kỉ (thế kỉ).

Từ năm 101 đến năm 200 là thế kỉ (thế kỉ).

Từ năm 201 đến năm là thế kỉ (thế kỉ).

...

Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ (thế kỉ).

Từ năm đến năm 2100 là thế kỉ (thế kỉ XXI).

1 Trò chơi Năm đó thuộc thế kỉ nào?

Năm thuộc thế kỉ

Năm thuộc thế kỉ

Năm thuộc thế kỉ



Thế kỉ hai mươi mốt.



2 Số?

1 thế kỉ = năm; 1 năm = tháng;

1 tháng = ngày, ngày, hay ngày;

1 tuần = ngày; 1 ngày = giờ.

3 Viết vào chỗ chấm.

a) Các tháng có 31 ngày:

Các tháng có 30 ngày:

Tháng có 28 hay 29 ngày:

b) Tháng 2 năm nhuận có 29 ngày.

Tháng 2 năm không nhuận có 28 ngày.

Vậy, năm nhuận có tất cả ngày;

năm không nhuận có tất cả ngày.

1 Số?

- a) Thế kỉ V: Từ năm đến năm
- b) Thế kỉ VI: Từ năm đến năm
- c) Thế kỉ X: Từ năm đến năm
- d) Thế kỉ XX: Từ năm đến năm

2 Viết vào chỗ chấm.

- a) Bác Hồ sinh năm 1890. Bác Hồ sinh vào thế kỉ
- b) Lễ kỉ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước được tổ chức vào năm 2011.
 - Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước năm Năm đó thuộc thế kỉ
 - Năm 2011 thuộc thế kỉ

3 Quan sát ba tờ lịch của năm 2024 trong SGK.

- a) Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

Năm 2024 là năm nhuận. ☐

Năm 2024 không là năm nhuận. ☐

Năm 2024 có 365 ngày. ☐

Năm 2024 có 366 ngày. ☐

- b) Số?

Nếu hôm nay là ngày 27 tháng 1 năm 2024 thì 5 tuần sau sẽ là ngày tháng năm



Đọc nội dung trong SGK và viết số thích hợp vào chỗ chấm.

5 phút nữa chúng ta sẽ bước sang thế kỉ 21.

Vậy hiện tại là giờ phút ngày tháng năm



Đọc nội dung trong SGK và viết số thích hợp vào chỗ chấm.

20 năm đầu của thế kỉ 21 là từ năm đến năm

Viết vào chỗ chấm.

Yến, tạ, tấn là các đơn vị đo

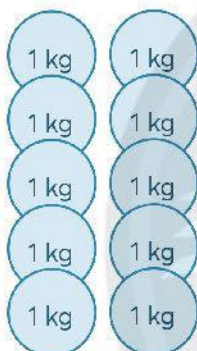
1 yến = kg

1 tạ = yến, 1 tạ = kg

1 tấn = tạ, 1 tấn = kg

1 Tìm hiểu quan hệ giữa yến, tạ, tấn và ki-lô-gam.

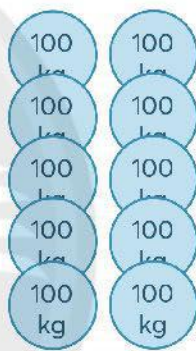
a)



b)



c)



1 yến = kg

1 tạ = yến

1 tấn = tạ

1 tạ = kg

1 tấn = kg

2 Số?

a) 5 yến = kg 40 kg = yến 2 yến 7 kg = kg

b) 3 tạ = kg 800 kg = tạ 6 tạ 20 kg = kg

c) 2 tấn = kg 7 000 kg = tấn 5 tấn 500 kg = kg

3 Xem nội dung trong SGK rồi điền từ *nặng hơn*, *nhẹ hơn* hay *nặng bằng* thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 bao xi măng con lợn.

b) 7 bao xi măng con bò.

1 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời thích hợp.

a) Con gà của bà Năm cân nặng:

- A. 2 kg B. 2 yến C. 2 tạ D. 2 tấn

b) Con bò mẹ cân nặng khoảng:

- A. 3 kg B. 3 yến C. 3 tạ D. 3 tấn

c) Một con voi châu Á khi trưởng thành có thể nặng tới:

- A. 5 kg B. 5 yến C. 5 tạ D. 5 tấn

2 Khối lượng hàng hoá mỗi xe vận chuyển được ghi ở thùng xe.



a) Viết tên các xe theo thứ tự hàng hoá vận chuyển từ nặng đến nhẹ.

.....

b) Số?

Trung bình mỗi xe chở được kg hàng.

Làm tròn kết quả trên đến hàng nghìn: kg hàng.

Trung bình mỗi xe chở được khoảng tấn hàng.

3 Đọc nội dung trong SGK rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm.

Khối lượng hàng hoá xe đã chở quá mức quy định là kg.



Đọc nội dung trong SGK rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Công ty lắp ráp thang máy đã ước tính trung bình mỗi người nặng kg.

- 4 Đọc nội dung trong SGK rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm.
- Năm 938 thuộc thế kỉ, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán.
 - Năm 981 thuộc thế kỉ, Lê Đại Hành chiến thắng quân Tống.
 - Năm 1288 thuộc thế kỉ, Trần Hưng Đạo chiến thắng quân Nguyên.

- 5 Điền số hoặc chữ *giờ, phút, giây* thích hợp vào chỗ chấm.

Vào sáng thứ Hai hằng tuần, chúng em được tham dự lễ chào cờ. Lễ chào cờ của trường em bắt đầu lúc 7 30 phút. Trong buổi lễ này, chúng em hát Quốc ca trong 3 30 Như vậy, chúng em đã hát Quốc ca trong giây.

- 6 Số?

a) Người ta ước tính trên thế giới cứ mỗi phút có 1 triệu chai nhựa được bán ra. Như vậy, trong 1 giờ, trên thế giới có khoảng triệu chai nhựa được bán ra.

b) Ở Việt Nam, mỗi phút có gần 2 tấn rác nhựa thải ra môi trường. Trong 1 giờ, chúng ta đã thải ra môi trường gần tấn rác thải nhựa.

- 7 Đọc nội dung trong SGK rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Khối lượng rác thải khó phân huỷ đã thu gom cả ở khu vực đô thị và nông thôn là: nghìn tấn hay tấn.

b) Khối lượng rác thải dùng để tái chế là:

..... nghìn tấn hay tấn.



Xem hình ảnh trong SGK rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- Làm một thùng rác như vậy cần chai nhựa.
- Mỗi học sinh đóng góp 2 chai nhựa. Cần học sinh tham gia đóng góp để vừa đủ số chai làm 7 thùng rác.



Ngày 30/4/1975 là Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Năm đó thuộc thế kỉ

ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN

1 Thực hiện các yêu cầu sau:

a) Đọc số: 815 159; 6 089 140; 720 305 483; 34 180 300.

b) Viết số:

Một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm linh hai:

Hai trăm mười triệu không nghìn ba trăm ba mươi lăm:

Bốn mươi triệu tám trăm nghìn:

Năm triệu sáu trăm linh ba nghìn không trăm linh bảy:

c) Viết các số sau thành tổng theo các hàng:

439 160 =

3 045 601 =

2 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

a) Trong số 34 584 014, chữ số 4 ở lớp triệu có giá trị là 4 004 004. ☐

b) Trong dãy số tự nhiên, các số chẵn và các số lẻ được sắp xếp xen kẽ. ☐

c) Khi so sánh hai số tự nhiên có số chữ số bằng nhau, ta so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng kể từ phải sang trái. ☐

d) Làm tròn số 219 865 đến hàng trăm nghìn thì được số 200 000. ☐

3 Trong mỗi dãy số sau, số thứ năm là số chẵn hay số lẻ?

a) 28; 29; 30; ... Số thứ năm là số

b) 1; 6; 11; ... Số thứ năm là số

c) 65; 68; 71; ... Số thứ năm là số

d) 34; 44; 54; ... Số thứ năm là số

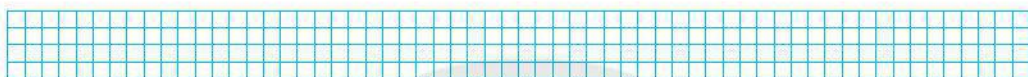
4

>, <, =

- a) $288\,100 \dots 390\,799$ $5\,681\,000 \dots 5\,650\,199$
 $1\,000\,000 \dots 99\,999$ $36\,129\,313 \dots 36\,229\,000$
 $895\,100 \dots 800\,000 + 90\,000 + 5\,000 + 100$
 $48\,140\,095 \dots 40\,000\,000 + 9\,000\,000$

- b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

451167; 514167; 76154; 76514.



- c) Trong dãy số: 987 654; 456 789; 12 345 678; 3 456 789

Số bé nhất là: Số lớn nhất là:

5

Quan sát hình dưới đây rồi ước lượng.



Trong hình có khoảng đồng.

Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.



Bạn A sống ở

Bạn B sống ở

Bạn C sống ở

Bạn D sống ở

Bạn E sống ở



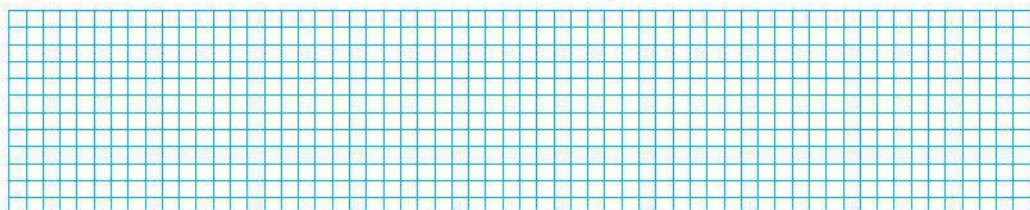
Số lượng lượt khách đó là

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH

1 Đặt tính rồi tính.

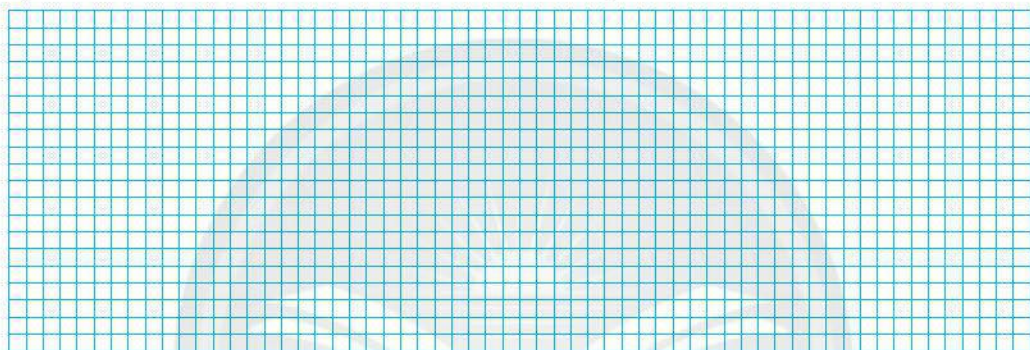
a) $15\,480 + 66\,059$

b) $52\,133 - 8\,091$



c) $8\,205 \times 6$

d) $29\,376 : 9$



2 Nối các biểu thức có giá trị bằng nhau.

A $700 + 800 + 300$

H $(2\,000 \times 5) \times 7$

B $(2\,000 \times 7) \times 5$

K $4\,000 \times 5 + 6\,000 \times 5$

C $(4\,000 + 6\,000) \times 5$

L $(700 + 300) + 800$

3 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

70 là trung bình cộng của hai số nào dưới đây?

A. 60 và 78

B. 65 và 73

C. 66 và 74

D. 63 và 7

4 Số? a) + 22 800 = 63 500

b) $37\,081 - \dots\dots\dots = 3\,516$

c) $\times 7 = 12\,012$

d) $: 8 = 1208$

Đọc nội dung trong SGK rồi viết vào chỗ chấm.



...	520	510
540	...	...
...	480	...



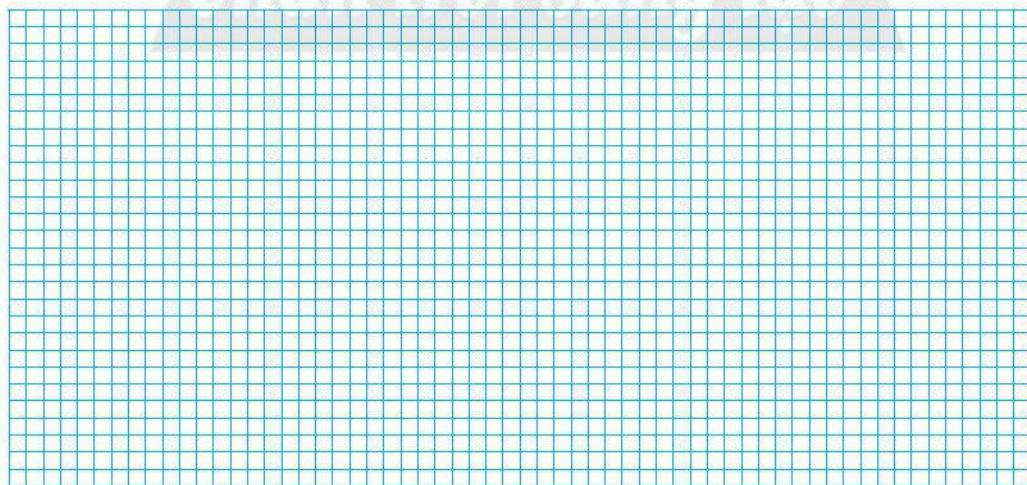
Có con cừu.

5 Số?

Bác Bình mua một cái tủ lạnh giá 15 triệu đồng và một cái máy giặt giá 16 triệu đồng. Cửa hàng giảm giá cho bác Bình 1 triệu đồng cho mỗi mặt hàng. Bác Bình phải trả tiền mua hàng là triệu đồng.

6 Nghĩa mua hai loại vở, mỗi loại đều mua 7 quyển. Mỗi quyển vở loại thứ nhất có giá 4 000 đồng. Mỗi quyển vở loại thứ hai có giá 6 000 đồng. Hỏi Nghĩa đã mua tất cả vở hết bao nhiêu tiền?

Bài giải



7 Giải bài toán theo tóm tắt sau:

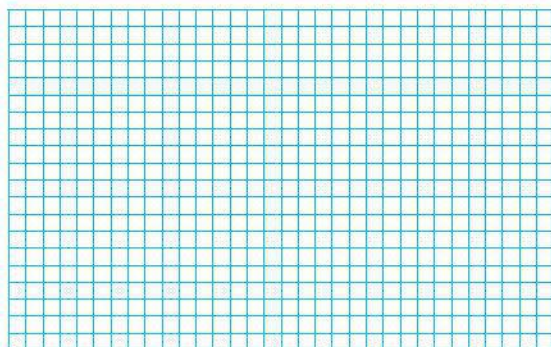
Tóm tắt

3 hộp bút: 64 500 đồng.

4 hộp bút: ... đồng?

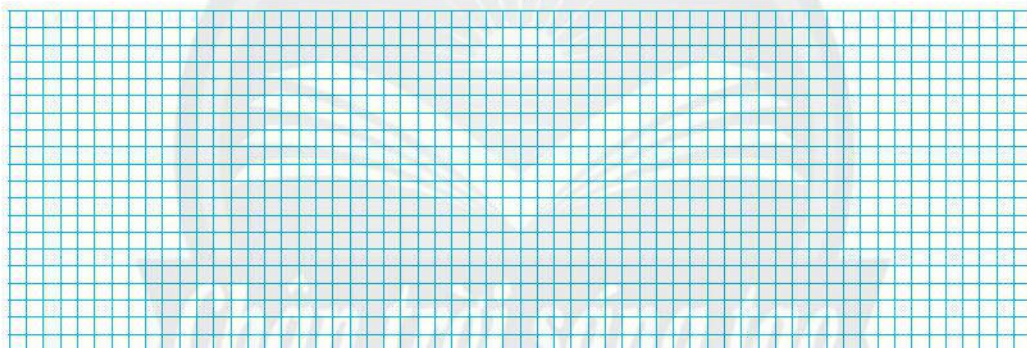
Giá tiền các hộp bút
như nhau.

Bài giải



8 Có 45 quyển vở xếp đều vào 9 túi. Hỏi với 60 quyển vở cùng loại thì xếp đều được vào bao nhiêu túi như thế?

Bài giải



Đọc nội dung trong SGK.



Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Số cành hoa Hương mua có thể là:

- A. 40 cành B. 30 cành C. 15 cành D. 12 cành



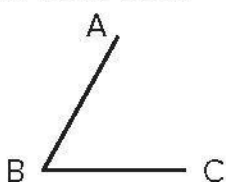
Số giỏ hoa và chậu hoa đó khoảng cái.

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

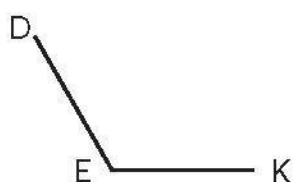
- 1 Đo và ghi số đo các góc dưới đây.



Góc đỉnh N:



Góc đỉnh B:

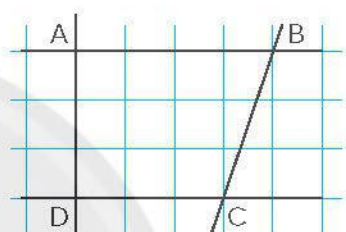


Góc đỉnh E:

- 2 Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.

Trong hình vẽ bên, tứ giác ABCD có:

- a) 2 góc vuông và 2 góc nhọn. ☐
- b) Hai cạnh AB và DC cùng vuông góc với cạnh AD. ☐
- c) Cạnh AB song song với cạnh DC. ☐
- d) Cạnh AD song song với cạnh BC. ☐



- 3 Vẽ hình theo hướng dẫn trong SGK.

Chân trời sáng tạo

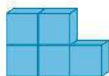
- 4 Xếp hình theo hình mẫu trong SGK.

- 5 Số?

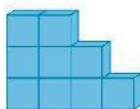
Trong dãy các hình sau, hình thứ chín có khối lập phương.



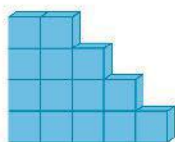
Hình
thứ nhất



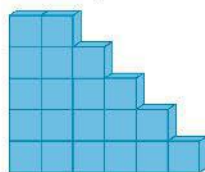
Hình
thứ hai



Hình
thứ ba



Hình
thứ tư



Hình
thứ năm

...

6 >, <, =

- a) 1 giờ 30 phút ... 130 phút
5 thế kỉ 48 năm ... 548 năm
8 phút 20 giây ... 480 giây
- b) 10 cm^2 ... 1 dm^2
 1 m^2 ... 100 dm^2
 36 m^2 ... 360 dm^2

7 Bạn An ghi chép số đo diện tích của một số đồ vật nhưng quên viết đơn vị đo. Em hãy giúp An viết đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm.

- a) Viên gạch men hình vuông lát nền có diện tích 16
b) Diện tích mỗi chiếc nhãn vở là 28
c) Diện tích phòng học là 48

8 Số?

Bác Ba muốn lát nền một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 3 m. Bác dự định dùng các viên gạch hình vuông cạnh 4 dm hoặc 6 dm.



- a) Để các viên gạch lát nền được nguyên vẹn, bác Ba sẽ sử dụng loại gạch có cạnh dài dm. (Diện tích mạch gạch không đáng kể.)
b) Nếu lát các viên gạch đã chọn thành một hàng theo hết chiều dài căn phòng thì hàng gạch đó có viên.

Khi lát kín nền căn phòng, sẽ có hàng gạch như vậy.

Phải dùng tất cả viên gạch để lát kín nền căn phòng đó.



Đọc nội dung trong SGK rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.

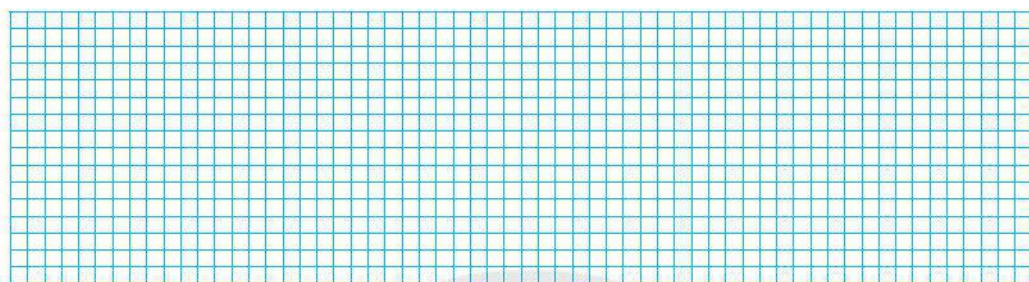
- Con rùa này đến vườn bách thú từ thế kỉ và chết vào thế kỉ
- Nếu mỗi con voi nặng 5 tấn thì con voi mới nặng bằng 1 con cá voi xanh đó.

ÔN TẬP MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT

1 Trò chơi Đố bạn que nào dài hơn!

Tiến hành chơi theo hướng dẫn trong SGK.

Ghi chép:



2 Tìm hiểu về thời gian chơi trò chơi điện tử của một nhóm bạn. Viết vào chỗ chấm.

Số giờ chơi trò chơi điện tử trong một tuần



Trong một tuần:

a) Mỗi bạn chơi trò chơi điện tử mấy giờ?

Sơn: giờ; Tú: giờ;

Tuấn: giờ; Nga: giờ;

Nhã: giờ.

b) Thời gian chơi của bạn nhiều nhất.

Thời gian chơi của bạn ít nhất.

c) Trung bình mỗi bạn chơi trò chơi điện tử giờ.

d) Có bạn chơi nhiều hơn 2 giờ.



Đọc nội dung trong SGK.

• Số?

Trẻ em từ 7 đến 11 tuổi chỉ nên chơi điện tử mỗi tuần ... giờ.

• Cùng người thân đặt thời gian biểu cho các hoạt động giải trí trong một tuần.

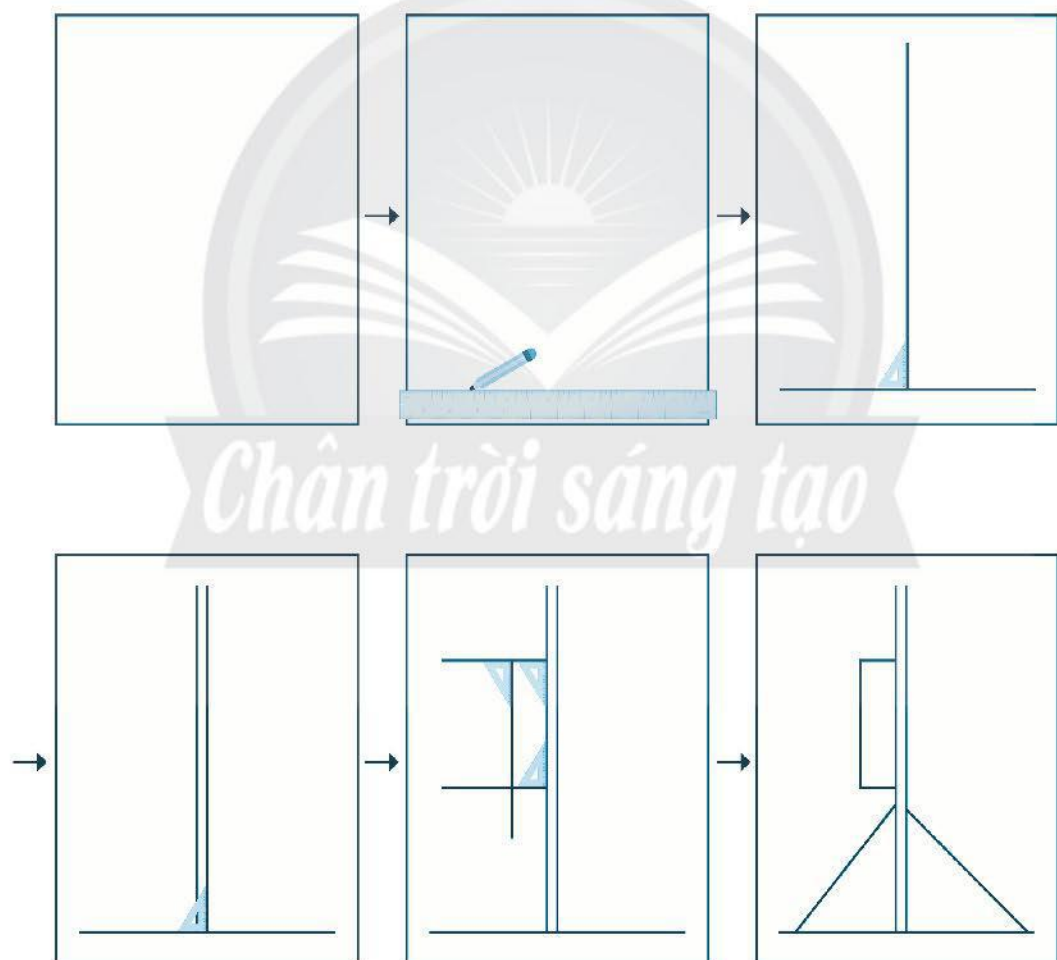
VẼ TRANH CÂY NÊU NGÀY TẾT

Thực hành theo nhóm.

1. Chuẩn bị

Giấy trắng không có dòng kẻ, thước thẳng, ê-ke, bút chì, bút màu.

2. Vẽ theo hướng dẫn sau



3. Vẽ thêm các chi tiết rồi tô màu (tham khảo SGK).



Cây nêu ngày Tết



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|---|
| 1. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT | 9. Vở bài tập
TIN HỌC 4 |
| 2. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI | 10. Vở bài tập
CÔNG NGHỆ 4 |
| 3. Vở bài tập
TOÁN 4 – TẬP MỘT | 11. Vở bài tập
ÂM NHẠC 4 |
| 4. Vở bài tập
TOÁN 4 – TẬP HAI | 12. Vở bài tập
MĨ THUẬT 4 (BẢN 1) |
| 5. TIẾNG ANH 4 Family and Friends
(National Edition) – Workbook | 13. Vở bài tập
MĨ THUẬT 4 (BẢN 2) |
| 6. Vở bài tập
ĐẠO ĐỨC 4 | 14. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1) |
| 7. Vở bài tập
KHOA HỌC 4 | 15. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 2) |
| 8. Vở bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 4 | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhú trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khóa.



ISBN 978-604-0-35211-8



9 786040 352118

Giá: đ